



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 35/2023
Từ 04/9 - 08/9/2023

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI:

**KHẮC PHỤC KỊP THỜI TÌNH TRẠNG ĐÙN ĐẦY,
NÉ TRÁNH, THIẾU TRÁCH NHIỆM**

Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ yêu cầu thời gian tới cần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; khắc phục kịp thời, hiệu quả tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, công chức, xử lý nghiêm các vi phạm.



Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ phát biểu bế mạc hội nghị. (Ảnh: DUY LINH)

Chiều ngày 06/9, sau một ngày làm việc tích cực, khẩn trương, Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất triển khai luật, nghị quyết của Quốc hội khóa XV đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra và thành công tốt đẹp.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho biết, trong nửa đầu nhiệm kỳ khóa XV, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 1.010 văn bản, trong đó có 23 luật, 101 nghị quyết của Quốc hội, 4 pháp lệnh và 882 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo, tăng cường công tác tổ chức thi hành pháp luật. Bên cạnh các phiên họp thường kỳ, Chính phủ đã tổ chức 17 phiên họp chuyên đề pháp luật, đề ra nhiều giải pháp để đổi mới, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao năng lực tổ chức thực thi pháp luật của các ngành, các cấp.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tăng cường đôn đốc, kiểm tra, tập trung nguồn lực, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, có nhiều giải pháp đổi mới để đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết.

Công tác truyền thông chính sách cũng được chú trọng giúp người dân, doanh nghiệp kịp thời nắm bắt nội dung các chính sách lớn và quan trọng ngay từ khâu soạn thảo, tạo thuận lợi cho việc đóng góp ý kiến và tăng cường đồng thuận xã hội.

Tuy nhiên, Chủ tịch Quốc hội cũng chỉ rõ, việc triển khai các luật và nghị quyết còn không ít tồn tại và hạn chế. Một số luật được ban hành từ năm 2022 nhưng đến nay các Bộ liên quan vẫn chưa ban hành kế hoạch triển khai thực hiện.

Đặc biệt, có 6 luật được thông qua tại Kỳ họp thứ 5 sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024 và 01/7/2024 nhưng vẫn chưa có kế hoạch triển khai, trong khi đây là nội dung rất quan trọng, cần thiết để dự kiến các công việc phải làm, nguồn lực thực hiện và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm việc thi hành kịp thời, có hiệu quả luật, nghị quyết ngay từ thời điểm có hiệu lực.

Theo Chủ tịch Quốc hội, nguyên nhân của thực trạng trên là do vẫn còn tình trạng đùn đẩy, không dám làm, sợ sai, né tránh trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng chưa kịp thời xác định, xử lý nghiêm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc để xảy ra tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết, ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật...

Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh, việc triển khai các luật, nghị quyết của Quốc hội khóa XV, nhất là luật, nghị quyết vừa được thông qua tại Kỳ họp thứ 5 đòi hỏi nỗ lực cao hơn, quyết tâm lớn hơn và sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn nữa giữa các cơ quan, tổ chức nhằm đưa các quyết sách của Quốc hội vào cuộc sống, đóng góp thiết thực vào việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ về kinh tế - xã hội...

Khắc phục tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Thời gian tới, Chủ tịch Quốc hội đề nghị tiếp tục xác định thi hành pháp luật là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Chính phủ, các ngành, các cấp, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cả ở Trung ương và địa phương; bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Tiếp đó, có giải pháp quyết liệt hơn nữa, khắc phục cho được tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết; chú trọng nâng cao chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện nghiêm túc, khẩn trương rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu tại Nghị quyết về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.

Chủ tịch Quốc hội cũng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; khắc phục kịp thời, hiệu quả tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, công chức, xử lý nghiêm các vi phạm.

Đồng thời, tăng cường cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thông tư, văn bản hướng dẫn, không để làm phát sinh thủ tục, “giấy phép con”, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới không phù hợp, thiếu tính khả thi. Ngoài ra, phải chấm dứt việc sử dụng hình thức văn bản hành chính để đặt ra thủ tục, yêu cầu khác với quy định của pháp luật.

Nguồn: nhandan.vn

QUỐC HỘI KỊP THỜI THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG, KHẮC PHỤC SƠ HỒ VÀ BẤT CẬP CHÍNH SÁCH

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 1.010 văn bản, kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, khắc phục những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật.

Hoàn thành khối lượng lớn công việc

Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho thấy, từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đến nay, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 1.010 văn bản, bao gồm 23 luật và 101 nghị quyết của Quốc hội, 4 pháp lệnh và 882 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, điều chỉnh toàn diện mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, giám sát tối cao và quyết định nhiều vấn đề quan trọng của đất nước.

Thực hiện chủ trương của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Đảng đoàn Quốc hội đã chỉ đạo triển khai rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, tài chính, chứng khoán..., hoàn thiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Các cơ quan đã tiến hành rà soát 1.651 văn bản quy phạm pháp luật, qua đó phát hiện một số quy định trong 7 luật và 130 văn bản dưới luật có sơ hở, bất cập hoặc có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp; trên cơ sở đó đã đề nghị Chính phủ, các cơ quan có liên quan sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để khắc phục.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo công tác tổ chức thi hành pháp luật; tổ chức 17 phiên họp chuyên đề pháp luật bên cạnh các phiên họp thường kỳ, đề ra nhiều giải pháp đổi mới, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường năng lực tổ chức thực thi pháp luật của các ngành, các cấp.

Đến ngày 23/8/2023, đối với 20 luật, nghị quyết được ban hành từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4 đã có hiệu lực pháp luật và có nội dung giao quy định chi tiết, Chính phủ, các bộ đã ban hành 39/50 văn bản quy định chi tiết, đạt tỷ lệ 78%... Các văn bản được ban hành về cơ bản đều bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần tích cực đưa luật, nghị quyết của Quốc hội vào cuộc sống.

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hóa được Chính phủ chú trọng. Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 15/6/2023, Bộ Tư pháp đã tiến hành kiểm tra đối với 10.504 văn bản, phát hiện và chỉ đạo, tham mưu xử lý đối với 446 văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc bất cập, không còn phù hợp.

Bên cạnh đó, công tác truyền thông chính sách có nhiều đổi mới, giúp người dân, doanh nghiệp kịp thời nắm bắt nội dung các chính sách lớn, quan trọng ngay từ khâu soạn thảo, tạo điều kiện cho việc đóng góp ý kiến, tăng cường đồng thuận xã hội.

Vẫn còn “nợ”

Bên cạnh những kết quả đạt được, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng cho rằng, việc triển khai luật, nghị quyết của Quốc hội vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Trước hết, công tác giám sát chưa bảo đảm tính toàn diện; việc giám sát văn bản quy định chi tiết trong một số trường hợp chưa đánh giá đầy đủ về tính hợp pháp, thống nhất, tính khả thi và hiệu lực của văn bản, chưa bám sát yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội. Một số luật có số lượng nội dung giao quy định chi tiết nhiều, chưa bảo đảm tính cụ thể.

Công tác tổ chức triển khai của Chính phủ đối với một số luật, nghị quyết còn chậm; tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết chưa được khắc phục. Tính đến ngày 23/8/2023, đối với các luật, nghị quyết được ban hành từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4 vẫn còn 11/50 văn bản (22%) thuộc trách nhiệm quy định chi tiết của Chính phủ, các Bộ chưa được ban hành, trong đó một số văn bản đã chậm từ 8 tháng đến 1,5 năm.

Chính phủ vẫn đang “nợ” 02 nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 98/2023/QH15 đã có hiệu lực pháp luật; đồng thời, đối với 2 luật sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024 (Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Khám bệnh, chữa bệnh), phải ban hành 39 văn bản quy định chi tiết nhưng đến nay chưa có văn bản nào được ban hành...

Kiên quyết chống “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ”

Để khắc phục các bất cập, hạn chế, nâng cao hiệu quả triển khai luật, nghị quyết của Quốc hội trong thời gian tới, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật, hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững.

“Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật” - Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhấn mạnh.

Bên cạnh đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị có giải pháp kiên quyết khắc phục tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết; trước mắt cần tập trung chỉ đạo soạn thảo để ban hành 13 văn bản quy định chi tiết thi hành 8 luật, nghị quyết đã có hiệu lực pháp luật còn nợ đọng, 39 văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Khám bệnh, chữa bệnh, 7 văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đấu thầu sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2024

Ngoài ra, tăng cường công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thông tư, văn bản hướng dẫn, không để làm phát sinh thủ tục, “giấy phép con”,

tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới không phù hợp, thiếu tính khả thi; chấm dứt việc sử dụng hình thức văn bản hành chính để đặt ra thủ tục, yêu cầu khác với quy định của pháp luật.

Nguồn: vov.vn

ĐẨY NHANH HƠN NỮA LỘ TRÌNH CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, ĐẢM BẢO CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC TĂNG DẦN MỨC SỐNG, YÊN TÂM CÔNG TÁC

Ngày 06/9, tại Nhà Quốc hội, Ủy ban Tư pháp tổ chức Phiên họp toàn thể lần thứ 10. Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Lê Thị Nga chủ trì và điều hành Phiên họp.

Đề cập về Thảm tra báo cáo của Chính phủ về công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm năm 2023, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Mai Thị Phương Hoa nhấn mạnh: Báo cáo của Chính phủ về công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm năm 2023 về cơ bản đã bám sát vào các yêu cầu theo đề cương báo cáo của Ủy ban Tư pháp.

Báo cáo đã đánh giá được tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật, chỉ ra những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân của công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm năm 2023.

Báo cáo cũng đã đưa ra dự báo về tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm năm 2024 và những kiến nghị cụ thể nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc để nâng cao chất lượng của công tác này; đồng thời triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Quốc hội trong hoạt động phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm.

Báo cáo cũng thống kê được cụ thể nhiều loại tội phạm, báo cáo cụ thể được kết quả, tiến độ thực hiện các kiến nghị của Ủy ban Tư pháp tại Báo cáo thẩm tra năm 2022 và các năm trước, đặc biệt là Báo cáo chuyên đề về tạm đình chỉ điều tra.

Tuy nhiên, mặc dù Báo cáo của Chính phủ đã thống kê được số liệu xử lý vi phạm hành chính của các Bộ, ngành, địa phương nhưng vẫn chưa đánh giá phân tích cụ thể được của từng Bộ, ngành và tổng thể tình hình xử lý vi phạm hành chính trên toàn quốc.

Một số nội dung báo cáo còn chưa đầy đủ theo yêu cầu đề cương như: tình hình thực hiện quy định của pháp luật về ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong hỏi cung bị can; việc cấp giấy chứng nhận bào chữa cho người bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 của cơ quan điều tra...

Đẩy nhanh hơn nữa lộ trình cải cách tiền lương

Thay mặt Ủy ban Tư pháp, Phó Chủ nhiệm Mai Thị Phương Hoa đề nghị Chính phủ cần sớm khắc phục những hạn chế đã nêu trong các báo cáo thẩm tra và tiếp tục đánh giá kết quả

thực hiện các kiến nghị của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tư pháp và đại biểu Quốc hội đã nêu.

Ủy ban Tư pháp cũng đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát, làm rõ những bất cập trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đấu thầu, mua sắm tài sản công, thuế, bảo hiểm, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, đăng kiểm xe cơ giới, đào tạo và sát hạch lái xe, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phiếu lý lịch tư pháp và các lĩnh vực khác để phát sinh tham nhũng để kịp thời hoàn thiện bất cập về mặt chính sách nhằm hạn chế các đối tượng lợi dụng trục lợi.

Đồng thời, cũng hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan để tháo gỡ vướng mắc nhất là việc quản lý, sử dụng tài sản công, nhằm phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đảm bảo quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Xác định rõ hơn nữa trách nhiệm từng cấp, từng ngành, từng cá nhân trong từng lĩnh vực nhằm khắc phục tình trạng đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; đồng thời đẩy nhanh hơn nữa lộ trình cải cách tiền lương, đảm bảo cho cán bộ, công chức được tăng dần mức sống, yên tâm công tác.

Trước tình trạng gia tăng của tội phạm và dự báo tình hình kinh tế, xã hội thời gian tới còn nhiều khó khăn, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành hữu quan cần đưa ra những giải pháp có tính căn cơ, lâu dài để phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm.

Tăng cường đánh giá tác động, tránh tình trạng chính sách gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp

Đối với việc ban hành chính sách, đề nghị Chính phủ cần chỉ đạo cơ quan tham mưu, soạn thảo tăng cường tổng hợp, đánh giá tác động, lấy ý kiến của đối tượng bị tác động, để đảm bảo các chính sách được ban hành có chất lượng, tránh tình trạng chính sách được ban hành có những điểm còn gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và tạo kẽ hở để xảy ra hành vi tiêu cực.

Ủy ban Tư pháp cũng chỉ đạo cơ quan điều tra tăng cường hơn nữa việc rà soát hồ sơ, nâng cao hơn nữa tỷ lệ giải quyết các vụ án, vụ việc đang bị tạm đình chỉ điều tra như đã nêu ở phần trên của báo cáo này; báo cáo cụ thể và đẩy nhanh hơn nữa tiến độ thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh thống nhất trên phạm vi toàn quốc”.

Báo cáo cụ thể việc cấp giấy chứng nhận bào chữa cho người bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 của Cơ quan điều tra. Bên cạnh đó là khẩn trương tiến hành tổng kết 12 năm thi hành Luật Phòng, chống mua bán người, sớm trình bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 của Quốc hội nội dung sửa đổi Luật này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế.

Siết chặt lại các biện pháp phòng chống tội phạm

Tại Phiên họp, đa số các đại biểu thống nhất với Báo cáo của Chính phủ về tình hình tội phạm năm 2023 và cho rằng, cần tập trung vào các giải pháp phòng chống tội phạm gia tăng với các hình thức khác nhau.

Đại biểu Vũ Trọng Kim, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nam Định cho rằng, tình hình tội phạm gia tăng trong năm 2023 có nguyên nhân, trong đó phải kể đến tình hình kinh tế - xã hội

bị ảnh hưởng do đại dịch COVID-19 khiến tình trạng thất nghiệp trong bộ phận Nhân dân cũng tăng theo.

Để kịp thời ngăn chặn tình trạng này, đại biểu Vũ Trọng Kim đề nghị các cơ quan, Bộ ngành cần siết chặt lại các biện pháp phòng chống tội phạm. Song song với đó là tăng cường thực hiện các giải pháp để giải quyết việc làm, giảm thiểu số người thất nghiệp hoặc gián đoạn công việc.

Cần có những chế tài xử phạt và răn đe nghiêm khắc hơn cho từng loại tội phạm

Cho ý kiến về Báo cáo của Chính phủ đối với công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm năm 2023, đại biểu Dương Khắc Mai, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Nông cơ bản thống nhất với các báo cáo của Chính phủ. Theo đó, trong năm qua, Chính phủ đã đưa ra nhiều biện pháp, tăng cường các hoạt động phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, báo cáo của Chính phủ vẫn cho thấy, tình hình vi phạm pháp luật như xâm hại trẻ em, loại tội phạm có tổ chức, ma túy, tội phạm về công nghệ thông tin vẫn là nỗi lo lắng lớn vì gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội. Mặt khác, số vụ và người chết do tai nạn giao thông vẫn còn tăng cũng là những điều cần được xem xét lại trong thời gian tới. Theo đại biểu Dương Khắc Mai, để phòng chống và giảm thiểu các vụ vi phạm pháp luật, tội phạm gia tăng, cần có những chế tài xử phạt và răn đe nghiêm khắc hơn cho từng loại tội phạm.

Bí thư Thị ủy thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk Nguyễn Thị Thu Nguyệt nêu quan điểm, cần có sự đánh giá về Chương trình huy động người dân tham gia vào bảo vệ an ninh trật tự xã hội xem tính hiệu quả như thế nào, có cần điều chỉnh để công tác phòng, chống tội phạm trên địa bàn dân cư đạt hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, cần tăng cường quy chế phối hợp giữa công an cấp xã với người dân trong phòng chống, phát hiện tội phạm; thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật...

Trong khuôn khổ Phiên họp, các đại biểu còn lắng nghe báo cáo công tác của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; Báo cáo công tác của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao; Báo cáo của Chính phủ về công tác thi hành án; công tác phòng chống tham nhũng...

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ: HƯỚNG DẪN TÍNH SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ TĂNG THÊM THEO TIÊU CHUẨN QUY MÔ DÂN SỐ

Bộ Nội vụ ban hành Công văn 4368/BNV-CQĐP hướng dẫn cụ thể cách tính về số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo quy định tại Điều 6 và Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Trả lời kiến nghị của một số địa phương đề nghị hướng dẫn cụ thể cách tính về số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo quy định tại Điều 6 và Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (có hiệu lực từ ngày 01/8/2023), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo tiêu chuẩn về quy mô dân số.

a) Đối với phường: Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 5.000 người; phường thuộc thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương cứ tăng thêm đủ 3.500 người; phường thuộc thị xã cứ tăng thêm đủ 2.500 người và phường ở hải đảo cứ tăng thêm đủ 700 người thì được tăng thêm 01 công chức cấp xã và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

b) Đối với thị trấn: Thị trấn ở hải đảo cứ tăng thêm đủ 800 người; các thị trấn còn lại cứ tăng thêm đủ 4.000 người thì được tăng thêm 01 công chức cấp xã và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

c) Đối với xã: Xã miền núi, vùng cao cứ tăng thêm đủ 2.500 người; xã ở hải đảo cứ tăng thêm đủ 800 người và các xã còn lại cứ tăng thêm đủ 4.000 người thì được tăng thêm 01 công chức cấp xã và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Về số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên.

a) Đối với phường: Phường thuộc quận; phường thuộc thành phố thuộc tỉnh; phường thuộc thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; phường thuộc thị xã cứ có diện tích tự nhiên tăng thêm đủ 5,5km² và phường ở hải đảo cứ có diện tích tự nhiên tăng thêm đủ 1,1km² thì được tăng thêm 01 công chức cấp xã và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

b) Đối với thị trấn: Thị trấn ở hải đảo cứ có diện tích tự nhiên tăng thêm đủ 2,8km²; các thị trấn còn lại cứ có diện tích tự nhiên tăng thêm đủ 14km² thì được tăng thêm 01 công chức cấp xã và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

c) Đối với xã: Xã miền núi, vùng cao cứ có diện tích tự nhiên tăng thêm đủ 50km²; xã ở hải đảo cứ có diện tích tự nhiên tăng thêm đủ 6km² và các xã còn lại cứ có diện tích tự nhiên tăng thêm đủ 30km² thì được tăng thêm 01 công chức và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

3. Số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm tính theo cách tính tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên không không chế tối đa.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại Điều 6 và Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và định kỳ vào tháng 11 hàng năm báo cáo Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã để Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Nguồn: xaydungchinhsach.chinhphu.vn

BỘ XÂY DỰNG: HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ ĐỂ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Bộ Xây dựng ban hành văn bản 3572/BXD-PTĐT ngày 09/8/2023 hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, đánh giá phân loại đô thị để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã.

Theo đó, về tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá phân loại đô thị theo tiêu chí, tiêu chuẩn của loại đô thị tương ứng đối với các đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030, chỉ đạo rà soát, điều chỉnh hoặc lập mới quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị tại đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp.

Bảo đảm kết nối và phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, và các quy hoạch khác có liên quan.

Bố trí nguồn lực ưu tiên đầu tư, phân đấu đến năm 2024, các đơn vị hành chính đô thị hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021 được phân loại, đánh giá đạt tiêu chí của loại đô thị tương ứng theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo:

Trường hợp đơn vị hành chính đô thị được hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021 đủ điều kiện để đề nghị công nhận loại đô thị theo quy định của pháp luật thì tổ chức lập đề án phân loại đô thị, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công nhận loại đô thị theo các quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 (sau đây gọi là Nghị quyết về phân loại đô thị).

Trường hợp đơn vị hành chính đô thị được hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021 chưa đủ điều kiện để thực hiện phân loại đô thị lại thì tổ chức rà soát sơ bộ việc đáp ứng các tiêu chí phân loại đô thị theo nội dung quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 13 Nghị quyết về phân loại đô thị.

Tổng hợp, báo cáo tình hình đáp ứng các tiêu chí phân loại đô thị đối với các đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã đã được hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021, gửi Bộ Xây dựng trước ngày 30/9/2024.

Về rà soát quy hoạch đô thị để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn bảo đảm sự thống nhất với phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

Việc xác định phương án sắp xếp đơn vị hành chính có liên quan các đơn vị hành chính đô thị cần được xem xét, cân nhắc kỹ các yêu cầu của cả hai giai đoạn 2023 - 2025, 2026 - 2030 và các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3, Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15).

Trường hợp thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã dẫn đến điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính không trùng với phạm vi đô thị hiện có của thành phố, thị xã, thị trấn nhưng không mở rộng phạm vi nội thành, nội thị của thành phố, thị xã.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh nếu chưa phù hợp hoặc lập mới quy hoạch chung đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và tổ chức thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền để thực hiện đánh giá, công nhận loại đô thị.

Phạm vi lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chung đô thị phải phù hợp với phạm vi được xác định tại phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh và các cơ sở, căn cứ khác theo quy định pháp luật quy hoạch, quy hoạch đô thị, nông thôn.

Trường hợp thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã làm mở rộng phạm vi nội thành, nội thị nhưng không điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính toàn đô thị của thành phố, thị xã:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền chỉ đạo đề xuất điều chỉnh quy hoạch chung đô thị nếu chưa phù hợp theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và tổ chức thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền để thực hiện đánh giá, công nhận kết quả rà soát tiêu chí phân loại đô thị.

Khu vực nội thành, nội thị dự kiến mở rộng hoặc thành lập mới của các đơn vị hành chính đô thị phải phù hợp với quy hoạch chung đô thị hướng dẫn tại điểm a khoản này và quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết được duyệt để thực hiện đánh giá, công nhận trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

Trường hợp thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã dẫn đến điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính không trùng với phạm vi đô thị hiện có của thành phố, thị xã vừa điều chỉnh phạm vi nội thành, nội thị của thành phố, thị xã:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh nếu chưa phù hợp hoặc lập mới quy hoạch chung theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và tổ chức thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền để thực hiện đánh giá, công nhận loại đô thị.

Phạm vi lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chung đô thị phải phù hợp với phạm vi được xác định tại phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh và các cơ sở, căn cứ khác theo quy định pháp luật quy hoạch, quy hoạch đô thị, nông thôn.

Khu vực nội thành, nội thị dự kiến mở rộng hoặc thành lập mới của các đơn vị hành chính đô thị phải phù hợp quy hoạch chung đô thị theo hướng dẫn tại điểm a khoản này và quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết được duyệt để thực hiện đánh giá, công nhận trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

Trường hợp thành phố, thị xã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị nhưng không mở rộng nội thành, nội thị và không điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính toàn đô thị thì áp dụng quy định tại Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2023/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Để đẩy nhanh tiến độ và bảo đảm chất lượng quy hoạch, các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức cá nhân tham gia lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch nghiên cứu, thực hiện các quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/UBTVQH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

Việc điều chỉnh hoặc lập mới quy hoạch xây dựng nông thôn đối với các đơn vị hành chính ở nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Về phân loại đô thị (đối với thành phố, thị xã, thị trấn), đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với quận, phường khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập mới chương trình phát triển đô thị theo quy định tại Điều 3a, Nghị định số 11/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 35/2023/NĐ-CP), được áp dụng các quy định chuyển tiếp đối với các chương trình phát triển đô thị theo quy định tại Khoản 2, Điều 16 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

Việc đánh giá, công nhận loại đô thị, đánh giá, công nhận trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết về phân loại đô thị.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện đầu tư, phát triển đô thị và tổ chức thực hiện chương trình phát triển đô thị sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã bảo đảm các đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II và loại III đến năm 2025 phải hoàn thiện các tiêu chuẩn của tiêu chí phân loại đô thị về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị, chú trọng hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

BÁO CÁO CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA, PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ THÁNG 8/2023

Theo Báo cáo số 97/BC-BTTTT ngày 06/9/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã kết nối với hệ thống của 90 cơ quan, đơn vị; 09 Cơ sở dữ liệu và 14 hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương. Tính đến ngày 30/8/2023, tổng số giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia trong tháng 8 năm 2023 là 41.864.961 giao dịch; trong 08 tháng đầu năm 2023, tổng số giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia đạt 372.108.890 giao dịch, trung bình hàng ngày có khoảng 1,55 triệu giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; tổng số giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia từ khi khai trương đến nay là hơn 1,44 tỷ giao dịch. Đến nay, đã hỗ trợ hoàn thành kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức với 32 bộ, ngành và 63 địa phương; kết nối Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến với 57 địa phương.

Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 20/8/2023, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia là 668.669 văn bản (gửi: 125.432, nhận: 543.237). Trong 8 tháng đầu năm 2023, số lượng văn bản điện tử, gửi, nhận qua Trục khoảng 4,8 triệu văn bản. Tính đến nay đã khoảng 24,6 triệu văn bản gửi, nhận trên Trục.

Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 20/8/2023, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet) đã phục vụ 02 phiên họp Chính phủ và xử lý 46 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn 11 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy). Đến nay, Hệ thống đã phục vụ 79 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 1.780 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn 607 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy).

Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8 đã xây dựng 01 Infographic báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ; Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quyết định ban hành Khung bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Đôn đốc các địa phương cập nhật dữ liệu về niên giám thống kê; Chính sửa, nâng cấp giao diện của Hệ thống. Tổ chức làm việc với Tổng cục Thống kê về kết nối thông tin dữ liệu về Niên giám thống kê quốc gia và báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ.

Từ 20/7/2023 đến 20/8/2023, Cổng dịch vụ công quốc gia đã có hơn 608 nghìn tài khoản đăng ký; hơn 8,6 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 1,5 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; hơn 2,6 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 2,9 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 503 tỷ đồng. Tính đến nay, Cổng dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4.448 dịch vụ công trực tuyến; có hơn 9,1 triệu tài khoản; hơn 233 triệu hồ sơ đồng bộ; hơn 20,7 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; 24,5 triệu hồ sơ trực tuyến từ Cổng, hơn 15,8

triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 7,142 nghìn tỷ đồng; hơn 343 nghìn cuộc gọi tới tổng đài.

Về An toàn, an ninh mạng, tính tới hết ngày 18/8/2023, Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn Hệ thống thông tin là 1.949 Hệ thống thông tin trên tổng số 3.094 Hệ thống thông tin trên toàn quốc, không tăng so với tháng 7/2023, tăng 107,3% cùng kỳ tháng 8/2022 (940 Hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ); Trong tháng 8 năm 2023, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý 1.402 cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, tăng 67,6% so với tháng 7/2023, tăng 54,6% so với cùng kỳ tháng 8/2022.

Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.**

Dự thảo Thông tư nêu rõ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự lãnh đạo của cấp ủy đảng; sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã.

Tuân thủ Hiến pháp, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, thực hiện theo Hương ước, quy ước; đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương. Áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào các hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định tại Thông tư này.

Theo dự thảo, mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp cần thiết thì bố trí Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Căn cứ vào quy mô dân số, đặc điểm của từng loại thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể số lượng Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố cho phù hợp, nhưng mỗi thôn, tổ dân phố không vượt quá 02 Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi xin ý kiến của Chi bộ và thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi

không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã) quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Dự thảo nêu rõ nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố bao gồm:

Bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Thực hiện các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tham gia hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do cấp trên phát động.

Thực hiện việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

*** Bộ Tài chính đang đề nghị xây dựng Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (sửa đổi), trong đó nêu rõ 7 hành vi bị cấm trong lĩnh vực quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.**

Theo dự thảo Luật, 7 hành vi bị cấm trong lĩnh vực quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp gồm: 1. Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không đúng mục tiêu, thẩm quyền, phạm vi, trình tự và thủ tục quy định của pháp luật. 2. Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. 3. Thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, người đại diện chủ sở hữu vốn trong việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. 4. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc đầu tư vốn tại doanh nghiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. 5. Cung cấp thông tin, báo cáo không trung thực, không chính xác, không đầy đủ theo quy định của pháp luật. 6. Tiết lộ, sử dụng thông tin của doanh nghiệp, cơ quan đại diện sở hữu vốn, cơ quan quản lý nhà nước không đúng quy định của pháp luật. 7. Vi phạm các quy định gây thiệt hại cho doanh nghiệp, chủ sở hữu vốn và nhà nước.

Dự thảo Luật nêu rõ, nguyên tắc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là đảm bảo doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng; công bố, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình theo quy định; lấy mục tiêu, nhiệm vụ và hiệu quả đầu tư vốn làm tiêu chí đánh giá chủ yếu.

Vốn nhà nước sau khi đã đầu tư vào doanh nghiệp được xác định là tài sản, vốn của pháp nhân doanh nghiệp; Nhà nước thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn và người đại diện chủ sở hữu vốn thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn theo đúng phần vốn được đầu tư tại doanh nghiệp, bình đẳng với các nhà đầu tư khác; không làm hạn chế quyền của

doanh nghiệp, không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp; tách bạch, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục, theo cơ chế thị trường, linh hoạt, kịp thời, phù hợp với hình thức, phương thức, giải pháp thực hiện và lộ trình hợp lý.

Công khai, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư trực tiếp và doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư khác gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát và trách nhiệm giải trình đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Theo dự thảo, nguyên tắc, thứ tự phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp như sau:

Tiền lương, tiền thưởng của người do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cử, giới thiệu, thuê làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp.

Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của người lao động trên cơ sở hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Riêng các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh có vốn nhà nước đầu tư trực tiếp 100% vốn điều lệ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có vốn đầu tư của doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư trực tiếp 100% vốn điều lệ, Nhà nước đảm bảo trích lập đủ 02 tháng lương thực hiện để lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của người lao động trong trường hợp không đủ nguồn từ lợi nhuận sau thuế.

Trích không quá 30% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển. Quỹ đầu tư phát triển sử dụng để bổ sung vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, thực hiện các dự án đầu tư, dự án tăng cường năng lực quản trị của doanh nghiệp.

Sử dụng và trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo quy định của Luật chuyên ngành gồm: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Dầu khí.

Phần còn lại sau khi chi, trích lập các quỹ theo quy định nêu trên, doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.**

Bộ Tài chính cho biết, thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, căn cứ Quyết định số 936/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn, chứng từ với mục tiêu là áp dụng hóa đơn điện tử đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2022, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về hóa đơn điện tử trước ngày 01/7/2022.

Tháng 11/2021, Bộ Tài chính đã công bố triển khai hệ thống hóa đơn điện tử áp dụng giai đoạn 1 tại 6 tỉnh, thành phố. Đến tháng 4/2022, Bộ Tài chính đã triển khai hệ thống hóa đơn điện tử trên toàn quốc (tại 57 tỉnh, thành phố còn lại).

Theo Bộ Tài chính, đến hết ngày 30/6/2022, có 100% doanh nghiệp, tổ chức (851.372 đơn vị) và 100% hộ, cá nhân kinh doanh (65.576 hộ, cá nhân kinh doanh) theo phương pháp kê khai tại 63 tỉnh, thành phố đã chuyển đổi sang sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Lũy kế đến 24h ngày 31/5/2023, trên cả nước đã có 4,054 tỷ hóa đơn điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận và xử lý, trong đó có hơn 1,177 tỷ hóa đơn có mã và 2,877 tỷ hóa đơn không mã. Đồng thời, đã có 18.933 doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền với số lượng hóa đơn điện tử cơ quan thuế đã tiếp nhận và xử lý đạt hơn 6,5 triệu hóa đơn.

Việc sử dụng hóa đơn điện tử trên cả nước đã góp phần hỗ trợ cơ quan thuế trong việc quản lý rủi ro, quản lý thuế, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan khác của nhà nước, dữ liệu về hóa đơn điện tử là nền tảng quan trọng để quản lý thuế hiệu quả, là động lực cho công cuộc chuyển đổi số của ngành Thuế nói riêng và góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và của toàn xã hội nói chung. Với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, việc áp dụng hóa đơn điện tử góp phần làm giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giảm thiểu nhiều rủi ro so với sử dụng hóa đơn giấy.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP cũng bộc lộ một số vướng mắc cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

Cần sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc lập hóa đơn, thời điểm lập hóa đơn, nội dung hóa đơn, xử lý hóa đơn lập sai nhằm quy định minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện.

Bổ sung giải pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

Hoàn thiện các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng biên lai, chứng từ điện tử.

Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; trách nhiệm của cán bộ thuế.

Dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân gồm 06 nhóm vấn đề như sau: (i) Sửa đổi, bổ sung một số quy định về hóa đơn điện tử nhằm đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, các tổ chức trong việc sử dụng hóa đơn, biên lai, chứng từ điện tử và bổ sung quy định quản lý chứng từ trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược; (ii) Bổ sung quy định liên quan giải pháp pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử, quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; (iii) Sửa đổi, bổ sung quy định về biên lai, chứng từ; (iv) Sửa đổi, bổ sung quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; (v) Sửa đổi, bổ

sung quy định liên quan trách nhiệm của các bên trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ; (vi) Sửa đổi các biểu mẫu, thủ tục.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi để các cá nhân, hộ gia đình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội.**

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, việc xây dựng Nghị định về hộ kinh doanh là cần thiết nhằm tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh.

Hiện nay, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh được quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp chỉ quy định hình thức nộp hồ sơ bản giấy trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh, chưa tin học hóa nghiệp vụ, do đó chưa cung cấp được dịch vụ công điện tử. Trong khi đó, thực hiện chiến lược xây dựng Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số, hầu hết các thủ tục hành chính liên quan đến người dân hiện đã có thể thực hiện trên môi trường điện tử. Tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nghiệp vụ đăng ký hộ kinh doanh bước đầu được tin học hóa nhưng chưa triệt để, chủ yếu phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Bên cạnh đó, việc xây dựng Nghị định cũng nhằm khắc phục một số nội dung vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành quy định về đăng ký hộ kinh doanh tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT.

Cụ thể, về đối tượng thành lập hộ kinh doanh: Hiện nay, theo quy định tại Khoản 1 Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, đối tượng thành lập hộ kinh doanh bao gồm 02 đối tượng là cá nhân và các thành viên hộ gia đình. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định chung về khái niệm "hộ gia đình", gây ra sự lúng túng, khó khăn cho người thành lập hộ kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước trong việc xác định đối tượng đăng ký tham gia thành lập hộ kinh doanh.

Về ngành, nghề kinh doanh: Trên nguyên tắc hộ kinh doanh được kinh doanh tất cả các ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà luật không cấm, cần tiếp tục đơn giản hóa việc ghi ngành, nghề kinh doanh đối với hộ kinh doanh theo hướng chỉ cần kê khai và mã hóa một ngành, nghề kinh doanh chính và ngành, nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có) theo mã ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, không phải kê khai các ngành, nghề kinh doanh khác...

Dự thảo Nghị định đưa ra 02 phương án quy định về đối tượng thành lập hộ kinh doanh để lấy ý kiến rộng rãi, gồm: Phương án 1: Đối tượng thành lập hộ kinh doanh là cá nhân và thành viên hộ gia đình. Phương án 2: Đối tượng thành lập hộ kinh doanh chỉ là cá nhân.

Tại Dự thảo Nghị định này quy định về đối tượng thành lập hộ kinh doanh được thiết kế theo Phương án 1, cụ thể như sau:

Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ. Trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh thì ủy quyền cho một thành viên làm đại

diện hộ kinh doanh. Cá nhân đăng ký hộ kinh doanh, người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm đại diện hộ kinh doanh là chủ hộ kinh doanh.

Thành viên hộ gia đình quy định tại Nghị định này là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Cá nhân, thành viên hộ gia đình là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự có quyền thành lập hộ kinh doanh và có nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này, trừ các trường hợp sau đây: Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của luật.

Hộ kinh doanh, người thành lập hộ kinh doanh hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện theo một trong các phương thức sau đây: 1. Đăng ký trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện; 2. Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; 3. Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước.**

Theo dự thảo, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị tương đương Tổng cục trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, bảo hiểm tiền gửi.

Thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nhiệm vụ của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định: Dự thảo nghị định của Chính phủ, dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, thanh tra, giám sát ngân hàng và bảo hiểm tiền gửi.

Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định, phê duyệt hoặc ban hành: Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động, an toàn hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản, thanh lý đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; quy định về thanh tra, giám sát ngân hàng, bảo hiểm tiền gửi.

Xử lý các vấn đề liên quan đến tổ chức, quản trị, điều hành của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm góp phần đảm bảo các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động lành mạnh, an toàn và theo đúng quy định của pháp luật theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Thanh tra Cục Phòng, chống rửa tiền, Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật qua xem xét, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng còn có nhiệm vụ giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...

Về cơ cấu tổ chức, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có 7 đơn vị: Vụ Thanh tra hành chính (Vụ I); Vụ Chính sách an toàn hoạt động ngân hàng (Vụ II); Văn phòng; Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng I (Cục I); Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng II (Cục II); Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng III (Cục III); Cục Giám sát an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng (Cục IV).

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và không quá 4 Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và quy định của pháp luật.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: SỬA ĐỔI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN TƯƠNG ĐƯƠNG SỞ VÀ CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 2023 - 2030

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội vừa ban hành Quyết định số 4190/QĐ-UBND 22/8/2023 về việc ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, cơ quan tương đương Sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc TP. Hà Nội, giai đoạn 2023 - 2030.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính áp dụng cho các sở, các huyện được cấu trúc thành 08 nội dung đánh giá, cụ thể: Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; tác động cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Thang điểm đánh giá nội dung trên là 100 điểm, trong đó điểm đánh giá qua thẩm định tối đa là 70/100; điểm đánh giá qua điều tra xã hội học tối đa là 30/100. Phương pháp đánh giá kết hợp giữa đánh giá của Hội đồng thẩm định (đánh giá bên trong) và đánh giá qua điều tra xã hội học (đánh giá bên ngoài). Trong đó, Chỉ số cải cách hành chính áp dụng cho các Sở, cơ quan tương đương Sở (khỏi Sở) gồm 117 tiêu chí (92 tiêu chí thẩm định (tương ứng 78.63%), 25 tiêu chí điều tra xã hội học (tương ứng 21.37%); Chỉ số cải cách hành chính áp dụng cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã (khỏi Huyện) gồm 102 tiêu chí (80 tiêu chí thẩm định (tương ứng 78.43%), 36 tiêu chí điều tra xã hội học (tương ứng 21.57%).

So với Bộ chỉ số cũ (theo Quyết định số 4210/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội), Bộ chỉ số mới này có những điểm cải tiến: (1) Bổ sung những tiêu chí mới bám sát Đề án của Bộ Nội vụ về “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2030, đặc biệt ở nội dung “Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số”; (2) Lược bỏ một số tiêu chí mà 100% các đơn vị đã đạt chỉ tiêu, các tiêu chí không rõ, khó định lượng hoặc Thành phố không giao, không thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được đánh giá theo quy định mới.; giảm số lượng tiêu chí thẩm định do gộp hoặc khái quát hóa các tiêu chí; (3) Tinh gọn hơn số tiêu chí đánh giá; giảm mạnh các tiêu chí mang tính cảm tính, khó xác định; (4) Giảm hoặc lược bỏ các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Bộ chỉ số hiện nay của TP. Hà Nội mang tính chất tuân thủ; (5) Bổ sung các tiêu chí mang tính chất đánh giá tính hiệu quả, kết quả đầu ra; (6) Đưa vào đánh giá các nội dung mang tính đặc thù, nhiệm vụ trọng tâm của Hà Nội; (7) Bộ chỉ số được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu về cải cách hành chính nhà nước theo từng thời kỳ; (8) Thay đổi một số thuật ngữ chuyên môn: Dịch vụ công mức độ 3 thành dịch vụ công một phần, dịch vụ công mức độ 4 thành dịch vụ công trực tuyến toàn trình...; (9)

Triển khai sớm hơn chu trình và thời gian xác định Chỉ số cải cách hành chính; gắn với công tác thi đua - khen thưởng của năm được đánh giá; (10) Đổi mới phương pháp đánh giá thông qua điều tra xã hội học: thực hiện phương thức khảo sát trực tuyến; (11) Bổ sung thêm 01 đơn vị (Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc) tương đương sở vào danh sách các đơn vị trong diện xác định Chỉ số cải cách hành chính.

Về phương pháp đánh giá Chỉ số cải cách hành chính, kết hợp giữa đánh giá của Hội đồng thẩm định (đánh giá bên trong) và đánh giá qua điều tra xã hội học (đánh giá bên ngoài). Cách thức, quy trình chấm điểm hàng năm giữ nguyên như Bộ Chỉ số cũ gồm 6 bước: Sở Nội vụ thiết lập Hệ thống phần mềm và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tự chấm điểm; các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng, giải trình; các thành viên Hội đồng thẩm định của Thành phố đánh giá lần 1, Thành phố tổ chức điều tra xã hội học; các cơ quan, đơn vị giải trình, bổ sung; Hội đồng thẩm định của Thành phố đánh giá lần 2 và báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội.

Hồng Hải, Sở Nội vụ TP. Hà Nội

HÀ NỘI: CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠO ĐỘNG LỰC XÂY DỰNG THÀNH PHỐ THÔNG MINH

Vài năm gần đây, Thành ủy Hà Nội đã ban hành và thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ về chuyển đổi số gắn với xây dựng thành phố thông minh. Nhờ đó, công tác chuyển đổi số của thành phố đạt những kết quả quan trọng về cả chính quyền, hạ tầng, kinh tế - xã hội,...

Ngày 30/12/2022, Thành ủy Hà Nội ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU về chuyển đổi số, xây dựng TP. Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nghị quyết nêu rõ quan điểm thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy và hành động về thực hiện chuyển đổi số, xây dựng TP. Hà Nội thông minh là trách nhiệm, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và của toàn xã hội, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp nhằm xây dựng, phát triển Thủ đô “Văn hiến - văn minh - hiện đại”.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động

Thực hiện theo Nghị quyết số 18-NQ/TU, TP. Hà Nội đã thực sự tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động tại tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị của thành phố.

Với phương châm làm chắc, bằng bước đi và lộ trình phù hợp, đến nay, công tác chuyển đổi số của TP. Hà Nội đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận: Chính quyền số được quan tâm đầu tư; Hạ tầng số được thúc đẩy; Kinh tế số, xã hội số phát triển mạnh,... đặc biệt là lĩnh vực thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt. Với những lợi thế và kết quả vững chắc ban đầu, TP. Hà Nội quyết tâm hoàn thành mục tiêu thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

Kết quả bước đầu, TP. Hà Nội là một trong các tỉnh, TP đầu tiên đảm bảo đầy đủ các điều kiện và kết nối thành công với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã tập trung chỉ đạo để trong thời gian ngắn, các hệ thống lớn, dùng chung toàn thành phố đã hoàn thành: Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Về hạ tầng số, trung tâm dữ liệu chính của TP. Hà Nội đang được tập trung triển khai để sớm đưa vào khai thác, sử dụng trong Quý IV năm nay. Cùng với đó là tiếp tục duy trì, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt mạng diện rộng WAN của TP. Hà Nội, hệ thống giao ban trực tuyến cả thành phố (đã được triển khai tới 3 cấp chính quyền).

Không chỉ có vậy, nhờ sự phối hợp từ phía các doanh nghiệp, TP. Hà Nội đã triển khai chữ ký số miễn phí cho người dân tại bộ phận một cửa của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. Đến nay, trên toàn TP. Hà Nội đã cấp hơn 10 nghìn chữ ký số miễn phí cho công dân Hà Nội để thực hiện dịch vụ công trực tuyến của thành phố.

Về phát triển dữ liệu, năm 2023, TP. Hà Nội đã ban hành Danh mục dữ liệu mở của thành phố (tại Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 04/7/2023) là những dữ liệu chuyên ngành sẽ được triển khai chia sẻ trong nội bộ cơ quan Nhà nước và với công dân tổ chức trong thời gian tới.

Điểm nhấn công tác cải cách hành chính

Xác định đầu tư cho cải cách hành chính là đầu tư cho phát triển, TP. Hà Nội đã quyết liệt, nỗ lực đổi mới trong chỉ đạo điều hành, tích cực cắt giảm thủ tục, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền. Theo đó, các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tập trung rà soát, bổ sung, sáng tạo các mô hình nhằm giảm thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính.

Điển hình, tại Ủy ban nhân dân phường Nhật Tân (quận Tây Hồ) đã ra mắt mô hình giải quyết thủ tục hành chính “Ngày kiểu mẫu về cải cách thủ tục hành chính - trả kết quả ngay khi tiếp nhận hồ sơ” mang lại sự thuận tiện cho người dân.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nhật Tân Công Minh Tuấn, mô hình đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần cải thiện và nâng cao điểm số cải cách hành chính của phường. Qua khảo sát thực tế cho thấy, cơ quan phường Nhật Tân luôn được đánh giá là đơn vị có chỉ số hài lòng cao với người dân và doanh nghiệp khi đến giao dịch.

Cùng với phường Nhật Tân, các đơn vị khác của quận Tây Hồ với tinh thần sáng tạo đã nâng cao chất lượng cải cách hành chính phục vụ lợi ích của người dân trên địa bàn.

Quận đã được ghi nhận và đánh giá về mức độ hài lòng của người dân và chỉ số cải cách hành chính đứng thứ 4 toàn thành phố. Quận Tây Hồ đã cung cấp thông tin đầy đủ cho người dân qua các hình thức như cổng điện tử, niêm yết bảng tin, Zalo.

Bên cạnh đó, quận nâng cấp các trang thiết bị mới, hiện đại tại bộ phận "một cửa" của các phường, đáp ứng tình hình hiện nay. Trong thời gian tới, quận tiếp tục tập trung số hóa các hồ sơ lưu trữ, tạo tiền đề quan trọng cho việc chuyển đổi số.

Trước quận Tây Hồ, là quận đi đầu của cả TP. Hà Nội, quận Hoàn Kiếm đã đưa các mô hình sáng kiến vào giải quyết thủ tục hành chính từ lâu.

Cụ thể, quận Hoàn Kiếm đã chú trọng triển khai mô hình sáng kiến “Các thủ tục hành chính không chờ” lĩnh vực Tư pháp từ năm 2022. Năm ngoái, Hoàn Kiếm được thành phố đánh giá tốt, Chỉ số cải cách hành chính xếp thứ 01/30 quận (huyện), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính xếp thứ 05/30 quận (huyện) tăng 16 bậc so với năm 2021.

Đến nửa đầu năm này, tổng số hồ sơ “không chờ” đã tiếp nhận giải quyết là 18.915 hồ sơ (chiếm tỉ lệ 76,1% trong tổng số hồ sơ hành chính giải quyết tại 18 phường) đem lại lợi ích thiết thực, được Nhân dân ghi nhận, đánh giá tốt, lan tỏa tới nhiều Quận, huyện bạn học tập.

Ngoài hai quận kể trên, đầu tháng 7/2023, mô hình: Ngày thứ tư “tốc ký” được Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng đưa vào hoạt động tại bộ phận “một cửa” được kỳ vọng là một giải pháp hữu hiệu giúp ngày càng nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan chính quyền.

Bộ phận “một cửa” Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng đã đưa vào mô hình quét mã QR để công dân thực hiện các công việc: Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán chi phí giải quyết thủ tục hành chính, đóng góp ý kiến về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

Có thể nói, chuyển đổi số là một quá trình thường xuyên, liên tục đặc biệt với quy mô rất lớn của thành phố 10 triệu dân thì đây là khối lượng công việc không nhỏ nhưng với quyết tâm chính trị cao, TP. Hà Nội chắc chắn sẽ có những chuyển biến tích cực trong thời gian tới, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Nguồn: kinhtedothi.vn

TP. HỒ CHÍ MINH: TĂNG CƯỜNG THANH TRA, KIỂM TRA MỘT SỐ LĨNH VỰC ĐỂ PHÁT SINH TIÊU CỰC

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh vừa có báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ. Qua đó phát hiện nhiều vấn đề, trong đó có vi phạm về kinh tế với số tiền gần 98 tỷ đồng và 1.598,9m² đất.

Theo báo cáo này, trong giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 6/2023, TP. Hồ Chí Minh đã thực hiện 462 cuộc thanh tra, 823 cuộc kiểm tra và 2.437 cuộc giám sát hoạt động công vụ. Trong đó đã ban hành 762 kết luận, các cuộc còn lại không ban hành kết luận mà chỉ ban hành báo cáo kết quả kiểm tra, văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua hoạt động kiểm tra, giám sát.

Qua thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ phát hiện vi phạm về kinh tế số tiền gần 98 tỷ đồng và 1.598,9m² đất. Kiến nghị thu hồi gần 61 tỷ đồng, 1.598,9m² đất và xử lý khác về kinh tế hơn 37 tỷ đồng.

Đồng thời kiến nghị xử lý hành chính 152 tổ chức và 899 cá nhân. Trong đó, có 688 cá nhân né tránh, thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao.

Kết quả thực hiện đó là đã thu hồi về ngân sách nhà nước hơn 55 tỷ đồng, xử lý hành chính 104 tổ chức, 875 cá nhân và chuyển cơ quan điều tra 6 vụ, trong đó 2 vụ đã khởi tố.

Những vi phạm chủ yếu được chỉ ra là thời gian tham mưu xử lý hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định; chưa làm tốt công tác tham mưu, đề xuất trong thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

Bên cạnh đó, là những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, đô thị, vệ sinh môi trường, quản lý thu, chi tài chính, ngân sách, cải cách hành chính; một số cá nhân chưa chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của cơ quan đơn vị.

Trong thời gian tới, TP. Hồ Chí Minh cũng sẽ rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình thủ tục hành chính không còn phù hợp, gây phiền hà. Đặc biệt, công khai minh bạch hóa các quy trình thủ tục nhằm kiểm soát, ngăn ngừa một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng kẽ hở từ những quy định của pháp luật để tiêu cực, sách nhiễu.

Ngoài ra sẽ tiếp tục tăng cường kiểm tra đột xuất, chú trọng thanh tra, kiểm tra một số lĩnh vực công tác dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng vặt... mà người dân, doanh nghiệp, báo chí thường phản ánh như các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, cấp phép xây dựng.

TP. Hồ Chí Minh cũng sẽ thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng, xét tuyển và thi nâng ngạch công chức, viên chức nhằm lựa chọn đúng người có phẩm chất, trình độ chuyên môn và năng lực để tuyển dụng vào cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và bổ nhiệm ngạch sau khi trúng tuyển, xét tuyển vào bậc, ngạch theo quy định.

Bên cạnh đó cũng kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm tập thể, cá nhân có dấu hiệu, hành vi né tránh, thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và những hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, tham nhũng, tiêu cực. Triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát công vụ, thực hiện quy tắc ứng xử thông qua camera tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ của cơ quan, đơn vị.

Nguồn: congluan.vn

TP. ĐÀ NẴNG: ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC XUẤT NHẬP CẢNH

Với tinh thần: 'Vi Nhân dân phục vụ', 'Lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả của cải cách hành chính', nỗ lực bám sát tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an TP. Đà Nẵng chỉ đạo Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh xây dựng Kế hoạch triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp hộ chiếu cho công dân Việt Nam ở mức độ 4 nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính tại đơn vị.

Bước đầu, việc đăng ký nộp hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu qua Cổng dịch vụ công của Bộ Công an mới triển khai nên chưa được phổ biến rộng rãi dẫn đến tâm lý e ngại của người dân khi sử dụng Internet. Ngoài ra, điều kiện bắt buộc để đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến, công dân phải có căn cước công dân, tài khoản ngân hàng để thanh toán chuyển khoản và phải đăng ký chính chủ thuê bao số điện thoại theo số căn cước công dân. Bên cạnh đó, đường truyền Cổng dịch vụ công của Bộ Công an bước đầu hoạt động đôi lúc xảy ra sự cố lỗi, quy định nghiêm ngặt của phần mềm nhận dạng đối chiếu ảnh chân dung và ảnh căn cước công dân nên người dân phải khai lại thông tin từ 2 - 3 lần để nộp hồ sơ nhưng vẫn không thành công... dẫn đến tình trạng một số người dân phải nhờ dịch vụ khai hộ để nộp hồ sơ trực tuyến để xảy ra nguy cơ lộ lọt thông tin cá nhân từ dịch vụ này. Xuất phát từ những nguyên nhân trên, thời gian đầu số lượng hồ sơ công dân nộp qua Cổng dịch vụ công chưa cao.

Trước thực trạng trên, Giám đốc Công an TP. Đà Nẵng yêu cầu Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh xây dựng các nội dung, công việc cần thực hiện nhằm đẩy mạnh việc đăng ký nộp hồ sơ cấp hộ chiếu qua Cổng dịch vụ công Bộ Công an ngày càng tăng cao. Qua thời gian thực hiện cùng với sự nỗ lực hoàn thành và quyết tâm cao, kết quả đạt được đã tăng dần lên 20%, đến tháng 10/2022 đạt tỷ lệ 54,6%, tháng 11/2022 đạt tỷ lệ 91,4%, tháng 12/2022 đạt tỷ lệ 89,9%. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông trong nước bằng phương thức trực tuyến đạt tỉ lệ 93,64%, con số vượt xa 50% so với yêu cầu của Bộ Công an và Công an TP. Đà Nẵng. Đặc biệt, từ tháng 6/2023 đến nay, việc tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công Bộ Công an luôn đạt tỷ lệ 100%, là một trong những đơn vị đi đầu trong cả nước về lĩnh vực này.

Với những nỗ lực và quyết tâm đó, trong thời gian qua, công tác cải cách hành chính trên lĩnh vực xuất nhập cảnh tại Đà Nẵng đã và đang được thực hiện có hiệu quả, mang đến sự hài lòng, thuận tiện và tiết kiệm được thời gian, công sức cho nhân dân. Qua đó đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong toàn lực lượng Công an nói chung cũng như lĩnh vực xuất nhập cảnh nói riêng; góp phần xây dựng lực lượng Công an chính quy tinh nhuệ và hiện đại.

Nguồn: cadn.com.vn

SƠN LA: TRIỂN KHAI QUYẾT LIỆT CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Thời gian qua, tỉnh Sơn La đã triển khai nhiều giải pháp nhằm đề cao trách nhiệm, tập trung chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công một cách đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023, các Nghị quyết phiên họp thường kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập

trung triển khai đầy nhanh thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là tiến độ triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; ban hành Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc thu ngân sách nhà nước và thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công; ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 05/03/2023 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Thực hiện thu ngân sách và giải ngân vốn đầu tư công” trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công theo quy định; trong 8 tháng đầu năm 2023 đã 05 lần phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (trong đó vốn ngân sách địa phương 03 lần, vốn ngân sách trung ương 02 lần); rà soát điều chỉnh, phân bổ 02 lần kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương. Tổ chức làm việc với các chủ đầu tư, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; biểu dương các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt việc giải ngân vốn đầu tư công trong 6 tháng đầu năm 2023. Các chủ đầu tư đã xây dựng kịch bản giải ngân vốn đầu tư công chi tiết theo tiến độ từng dự án và phân công thực hiện các nhiệm vụ giải pháp để thực hiện giải ngân theo kịch bản. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh là 6.171,925 tỷ đồng; kết quả giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 18/8/2023, đạt 1.934,140 tỷ đồng, bằng 31,338% kế hoạch vốn giao, bằng 36,394% kế hoạch vốn phân bổ chi tiết.

Trong thời gian tới, tỉnh Sơn La sẽ tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tập trung tháo gỡ khó khăn trong triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2023, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao.

Khúc Thị Thu Hằng, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

NGHỆ AN: NGHIÊN CỨU THÍ ĐIỂM ĐIỀU ĐỘNG CÁN BỘ SỞ, NGÀNH VỀ TĂNG CƯỜNG CHO XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Đây là một trong những nội dung tại Thông báo số 1029-TB/TU ngày 28/8/2023 của Tỉnh ủy Nghệ An thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Chương trình gặp mặt, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn có vai trò rất quan trọng

Trước đó, trong các ngày từ ngày 03 - 04/8, Thường trực Tỉnh ủy Nghệ An tổ chức Chương trình gặp mặt, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh với chủ đề "Đoàn kết - Dân chủ - Sáng tạo - Phát triển".

Thường trực Tỉnh ủy Nghệ An nhấn mạnh: Chương trình gặp mặt, đối thoại tổ chức vào thời điểm toàn tỉnh bước vào năm thứ 3 thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ.

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 về xây dựng, phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đây là cơ sở chính trị đặc biệt quan trọng để cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, mục tiêu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Tỉnh Nghệ An đã hoàn thành việc trình Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo hành lang pháp lý quan trọng về định hướng, quản lý toàn diện các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, phát triển không gian lãnh thổ trên địa bàn tỉnh trong ngắn hạn và dài hạn. Các thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt được thời gian qua tạo nền tảng quan trọng, vững chắc để tỉnh phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới.

Thường trực Tỉnh ủy Nghệ An đánh giá: Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn có vai trò rất quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở, là cầu nối gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

Trong thời gian qua, trình độ, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn ngày càng được nâng lên, có nhiều đóng góp rất tích cực đối với sự phát triển của tỉnh.

Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn còn thiếu gương mẫu, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trên một số lĩnh vực hiệu quả chưa cao.

6 nhiệm vụ trọng tâm đối với lãnh đạo chủ chốt cấp xã

Trên cơ sở đó, Thường trực Tỉnh ủy nhấn mạnh 6 nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới đối với lãnh đạo chủ chốt cấp xã.

Trước hết, tập trung đánh giá, sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp để kịp thời bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Bám sát các chủ trương, định hướng mới về xây dựng và phát triển của tỉnh, của huyện để bổ sung nhiệm vụ kịp thời, phù hợp với điều kiện của địa phương.

Thực hiện tốt quy chế hoạt động, đảm bảo vai trò lãnh đạo tập thể của cấp ủy, gắn với phát huy tốt trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu và giải quyết tốt các mối quan hệ công tác. Nâng cao năng lực trong quản lý, điều hành của chính quyền, gắn với ứng dụng hiệu quả chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Các địa phương thuộc diện sáp nhập địa giới hành chính trong giai đoạn 2 cần chủ động rà soát, xây dựng phương án khả thi, đồng bộ, đồng thời chú trọng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân, góp phần triển khai thực hiện hiệu quả Đề án sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian tới.

Tập trung tìm kiếm các nguồn lực và giải pháp tối ưu để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là về xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn

mới, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); chương trình hỗ trợ, xây dựng nhà cho người nghèo, người có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025;...

Tăng cường đối thoại với Nhân dân; phát huy quyền làm chủ, khơi dậy và huy động sức mạnh của nhân dân trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Tập trung giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời, thỏa đáng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân theo thẩm quyền. Tổng hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các chủ trương, chính sách còn vướng mắc, bất cập để phù hợp với thực tiễn ở cơ sở.

Chú trọng xây dựng, tuyên truyền và nhân rộng mô hình, cách làm sáng tạo, hiệu quả trên các lĩnh vực, tạo ra các phong trào thi đua yêu nước sôi nổi, sáng tạo từ cơ sở. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Giữ vững nguyên tắc, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương và đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cơ sở. Không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, xây dựng lối sống lành mạnh, giản dị, gần gũi với Nhân dân, có tinh thần đổi mới, sáng tạo, tận tâm, tận tụy trong công việc. Tích cực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, năng lực, sâu sát cơ sở, nắm vững thực tiễn, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự phát triển chung của tỉnh Nghệ An.

Về tổ chức thực hiện, Thường trực Tỉnh ủy giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì tham mưu tuyên truyền về kết quả, tổ chức quán triệt nội dung kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Chương trình gặp mặt, đối thoại, tạo sự thống nhất, chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ chủ chốt cấp cơ sở, sự ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tham mưu trả lời các đề xuất, kiến nghị được gửi đến Ban tổ chức Chương trình gặp mặt, đối thoại liên quan công tác tổ chức cán bộ và công tác cải cách hành chính đảng; nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quy định thí điểm điều động cán bộ cấp sở, ngành về tăng cường ở xã, phường, thị trấn.

Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, các sở, ngành liên quan trả lời các đề xuất, kiến nghị được gửi đến Ban tổ chức Chương trình gặp mặt, đối thoại thuộc thẩm quyền giải quyết; nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh những vướng mắc, bất cập liên quan các chính sách trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại ở cơ sở.

Ban Dân vận Tỉnh ủy Nghệ An chủ trì, phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan gửi nội dung trả lời các đề xuất, kiến nghị đến các tổ chức, các nhân liên quan. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung kết luận tại Thông báo này; báo cáo Thường trực Tỉnh ủy kết quả thực hiện kết luận trong các báo cáo chuyên đề và định kỳ hàng năm.

Thường trực Tỉnh ủy Nghệ An đề nghị các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở nghiêm túc triển khai thực hiện kết luận.

Nguồn: xaydungchinh sach.chinhphu.vn

QUẢNG NGÃI: BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT TẠO ĐỘT PHÁ VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

Ngày 07/9, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Nghị quyết 13-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo nghị quyết này, Quảng Ngãi phấn đấu đến năm 2025 đạt được một số mục tiêu quan trọng. Trong đó, về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phần đầu tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 20% tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

Về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số - hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình và đạt 100% cấp xã; tỉnh Quảng Ngãi không còn vùng lõm sóng di động; trên 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, triển khai trên nhiều phương thức truy cập khác nhau. Trên 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%. 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Để đạt được mục tiêu trên, tỉnh Quảng Ngãi sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm gồm: chuyển đổi nhận thức; xây dựng thể chế, chính sách, nguồn lực cho chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số; chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát triển kinh tế số; phát triển xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số như: nông nghiệp, giáo dục, y tế, tài nguyên môi trường, quản lý đô thị, du lịch, vận tải, logistics, an ninh, an toàn xã hội.

Thời gian qua, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có những thay đổi tích cực, song vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển; một số hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung chưa được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm triển khai đồng bộ, hiệu quả; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp; kỹ năng số và nguồn nhân lực số chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; kinh tế số và xã hội số chưa phát triển mạnh.

Theo Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi, những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

Một số cấp ủy đảng, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của chuyển đổi số nên chưa tạo được nhận thức chung và quyết tâm hành động.

Nguồn lực đầu tư còn hạn chế; hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nhận thức, kỹ năng số của người dân trong ứng dụng công nghệ số phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa đáp ứng yêu cầu.

Nghị quyết ra đời sẽ thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phát triển kinh tế số, xã hội số gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hoạt động đối ngoại, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung và đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước.

Nguồn: kinhtedothi.vn

THỪA THIÊN - HUẾ: GIẢM 40% LỆ PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Tỉnh Thừa Thiên - Huế vừa thông qua Nghị quyết giảm 40% mức thu các loại lệ phí cho các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Theo đó, các lệ phí được giảm 40%, gồm: phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; phí cấp phép xây dựng; phí đăng ký kinh doanh; phí hộ tịch; phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế có hiệu lực từ ngày 01/9/2023 đến ngày 31/12/2024.

Được biết, chính sách này của tỉnh Thừa Thiên - Huế là sự động viên, thu hút tổ chức, cá nhân tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến, từ đó nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

Trong năm 2022, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã vươn lên đứng đầu toàn quốc về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Tỉnh Thừa Thiên - Huế này đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các tổ chức công; tạo cơ hội cho người dân tham gia đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền.

Nguồn: giaoducthoidai.vn

BÌNH ĐỊNH: CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÓ NHIỀU CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt 66,65 điểm, đứng vị trí 21/63 tỉnh, thành phố, duy trì ở nhóm tốt. Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đến tháng 8/2023 đạt 73.16%.

100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến, 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của tỉnh được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (đạt chỉ tiêu đề ra)...

Đó là kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình hành động số 09 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đưa ra tại hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình hành động số 09 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025 tổ chức mới đây.

Huy động nguồn lực xây dựng "chính quyền điện tử"

Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cho biết, về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: Đã triển khai các ứng dụng dùng chung toàn tỉnh; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử được xác thực điện tử, 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

Về huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa hành chính, xây dựng "chính quyền điện tử" được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định chú trọng triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục tăng cường triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

Về công tác chuyển đổi số: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tập trung xây dựng và triển khai thực hiện dự án Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025; tăng cường xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng tại các cơ quan bệnh viện, trường học; đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hệ thống offsite backup cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (Data Center) và trang thiết bị tại Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh, đảm bảo năng lực triển khai các phần mềm nền tảng, ứng dụng và cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh phục vụ phát triển chính quyền số và đô thị thông minh. Phát triển

hệ thống mạng chuyên dùng, kết nối thông suốt từ tỉnh tới xã, đáp ứng việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

Đạt tỷ lệ 50% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh, gồm: Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, tài chính.

Tỷ lệ lập hồ sơ công việc được lập xử lý dưới dạng điện tử đạt trên 60% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, trên 40% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và trên 30% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và 11/11 Ủy ban nhân dân cấp huyện, 159/159 Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân. Các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu...

Toàn tỉnh Bình Định hiện đang cung cấp trực tuyến toàn trình đối với 851/1.829 thủ tục hành chính, cung cấp trực tuyến một phần đối với 374/1.829 thủ tục hành chính, đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến. 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của tỉnh được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. 100% thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí được cung cấp chức năng thanh toán trực tuyến.

7 giải pháp quyết liệt

Theo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, công tác cải cách hành chính của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên việc tổ chức thực hiện các nội dung cải cách hành chính của các bộ chỉ số: Chỉ số năng lực cạnh tranh, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh chưa cao, kết quả đạt được chưa thật sự như kỳ vọng....

Để tiếp tục triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình hành động số 09 của Tỉnh ủy đề ra, Ban Chỉ đạo tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện 7 nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

Một là, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền. Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đổi mới hơn nữa công tác lãnh đạo, thực hiện các giải pháp cụ thể, thiết thực phấn đấu hoàn thành 100% các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác cải cách hành chính; xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá trong triển khai thực hiện.

Hai là, tập trung hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách; nâng cao hơn nữa chất lượng hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật.

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương ban hành, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thu hút đầu tư...

Ba là, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đồng thời, thường xuyên rà soát, kiến nghị đơn giản hóa các thủ tục hành chính không phù hợp; chuẩn hóa các quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát tốt trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan đầu mối.

Bốn là, tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước. Sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế theo hướng thực chất, đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Năm là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới. Hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ và chính sách cán bộ. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo kết quả công việc; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo...

Sáu là, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính công, kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và chi đầu tư công. Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí do ngân sách nhà nước phân bổ; nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực...

Bảy là, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đảm bảo kết nối và chia sẻ dữ liệu, thông tin chỉ đạo, điều hành từ Ủy ban nhân dân tỉnh, đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tiếp tục hoàn thiện các ứng dụng, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu, nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo thuận lợi việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, tại các địa phương để hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy chuyển đổi số xuất phát từ người dân, tiếp cận người dân và vì lợi ích của Nhân dân.

Nguồn: vietnamnet.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: 'BÍ QUYẾT' TĂNG HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Việc thực hiện đánh giá Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã tạo động lực cho các địa phương thi đua, nỗ lực cải thiện cải cách hành chính.

Bút phá

Bà Lê Thị Mỹ Lộc (ngụ TT. Ngãi Giao, huyện Châu Đức) đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ủy ban nhân dân TX. Phú Mỹ để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. “Lần đầu tiên đến thực hiện thủ tục hành chính tại đây nên tôi khá ngỡ ngàng. Tuy nhiên, công chức phụ trách hướng dẫn tận tâm từng bước từ khâu tạo tài khoản đến sao chụp hồ sơ nộp trực tuyến. Các bước thao tác đều dễ hiểu, nhanh chóng. Tôi đã chọn trả kết quả tại nhà qua Bru chính công nên sẽ không phải đi lại nhiều lần”, bà Lộc cho biết.

Trong 2 năm (2021 và 2022), TX. Phú Mỹ dẫn đầu trong số 8 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh về chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính. Thành quả này cũng phản ánh mức độ hài lòng cao của người dân, doanh nghiệp khi giao dịch hành chính công trên địa bàn. Trong đó, việc đề ra Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của TX. Phú Mỹ đã tạo nên sự bút phá và thành công trong công tác cải cách hành chính. TX. Phú Mỹ xác định đội ngũ công chức, viên chức làm nhiệm vụ cải cách hành chính là yếu tố then chốt quyết định thành công của cải cách hành chính. Từ đó, kế hoạch này đặt mục tiêu 100% công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa phải được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn thường xuyên, liên tục.

TP. Bà Rịa là địa phương tăng hạng nhiều nhất về Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện năm 2022. Năm 2021, TP. Bà Rịa xếp hạng 6/8 huyện, thị, thành phố và đã tăng lên hạng 4/8 vào năm 2022. Thành quả đó là nhờ địa phương tích cực triển khai những mô hình cải cách hành chính hiệu quả như: “3 tại nhà đối với thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội”; “giảm thời gian chờ ngay từ khâu tiếp nhận hồ sơ” tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố. Theo đó, năm 2022, 100% hồ sơ được giải quyết đúng hạn tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp trên địa bàn thành phố.

Ông Nguyễn Phi Sơn (ngụ phường Long Toàn, TP. Bà Rịa) đánh giá: “Cơ sở vật chất tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố được trang bị đầy đủ, thoáng mát. Thái độ tiếp đón làm việc của cán bộ, công chức niềm nở và hướng dẫn tận tình. Hồ sơ thủ tục hành chính được trả đúng hẹn nên chúng tôi rất hài lòng”.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2023, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân TP. Bà Rịa có tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn hơn 99%. Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã, phường, tỷ lệ này là 99,57%. Trong 8 tháng năm 2023, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TX. Phú Mỹ có tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt tỷ lệ 98,62%.

Nỗ lực tăng hạng

Từ tiền đề kể trên, TP. Bà Rịa đang tiếp tục triển khai những mô hình, cách làm hay trong cải cách hành chính như: “Ngày thứ Bảy lắng nghe dân nói”; “3 tại nhà đối với thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội” ở 11/11 xã, phường; “Ngày thứ Năm không chờ” tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố; “Điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại phường Long Tâm”; “Ứng dụng mã QR để tra cứu nhanh một số thông tin cần thiết” tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại phường Phước Trung...

Trưởng phòng Phòng Nội vụ TP. Bà Rịa Mã Thị Thu Thảo cho hay: “TP. Bà Rịa xác định tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt nhất cho công tác thực thi nhiệm vụ. Đặc biệt, chú trọng quy tắc ứng xử, thái độ, lễ lối làm việc để phục vụ một cách tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thành phố cũng tăng cường trang bị, bổ sung đầy đủ trang thiết bị để công tác giải quyết hồ sơ, thủ tục một cách thuận tiện nhất.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TX. Phú Mỹ Nguyễn Thành Nam chia sẻ: “Chúng tôi luôn khích lệ cán bộ, công chức, viên chức phát huy tinh thần lao động sáng tạo. Những giải pháp, sáng kiến, mô hình tạo hiệu ứng tích cực, hiệu quả trong cải cách hành chính được hỗ trợ triển khai, áp dụng trong công tác cải cách hành chính của thị xã, đồng thời được đưa vào tiêu giá đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm của cán bộ, công chức, viên chức”.

Theo Sở Nội vụ, tỉnh đã có 11 năm thực hiện đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính các sở, ngành và địa phương. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính tăng đều hằng năm, chất lượng cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương cải thiện tích cực. Kết quả chỉ số cải cách hành chính cũng là cơ sở quan trọng để các cơ quan, địa phương đánh giá được mặt mạnh, mặt yếu trong triển khai cải cách hành chính. Từ đó có sự chấn chỉnh trong điều hành cải cách hành chính trong các năm tiếp theo, nhằm hướng đến một nền hành chính chuyên nghiệp, vì dân phục vụ.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

AN GIANG: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định một trong 3 khâu đột phá là 'Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo nhằm phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn'. Trong đó, công tác cải cách hành chính tiếp tục đóng vai trò quan trọng.

Tỉnh An Giang đã đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, đối thoại, chủ động nắm chắc tình hình và giải quyết kịp thời công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều

hành, tạo thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính được triển khai. Công tác đào tạo, bồi dưỡng về đạo đức công vụ tiếp tục được chú trọng. Năm 2020, tỉnh An Giang tập huấn văn hóa công sở, đạo đức công vụ cho 1.000 cán bộ, công chức, viên chức sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; viên chức ngành y tế, giáo dục. Năm 2022, bồi dưỡng đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên môi trường cho 260 học viên.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trương Long Hồ cho biết, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) giai đoạn 2020 - 2022 có sự biến động. Năm 2020, tỉnh An Giang đứng hạng 26/63 tỉnh, thành phố của cả nước; năm 2021 xếp hạng 47; năm 2022 xếp hạng 42 (tăng 5 bậc). Với kết quả đó, tỉnh An Giang nằm trong nhóm B (điều hành tốt) của Chỉ số cải cách hành chính; được công nhận sáng kiến, giải pháp mang lại hiệu quả (triển khai Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh (IOC), nhóm giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ). Thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính tăng, thể hiện quyết tâm và những giải pháp của các cấp chính quyền trong nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trong đó, có nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chính quyền.

Công tác cải cách thủ tục hành chính ngày càng được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian, chi phí thực hiện. Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tập trung tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, bộ phận “một cửa” các cấp; ứng dụng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; cung cấp dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích. Thủ tục hành chính giải quyết đúng và sớm hạn ở cả 3 cấp đạt trên 99%.

Bên cạnh đó, việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số được tỉnh quan tâm, triển khai quyết liệt với các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, như: Đề án tỉnh An Giang điện tử, thành lập Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin "một cửa" điện tử tỉnh; đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng Internet, cấp phát máy vi tính phục vụ công việc của cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai hệ thống phần mềm “một cửa” của tỉnh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành các lĩnh vực. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Việc nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, ý thức phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm. Năm 2021, 2022 và 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh thực hiện 42 cuộc thanh, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ. Qua kiểm tra, kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục hạn chế, vi phạm; nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

Kết quả đó có sự quyết tâm trong lãnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp ủy Đảng và chính quyền, nhằm thực hiện tốt công tác cải cách hành chính. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở ngày càng giỏi chuyên môn. Đồng thời, giải quyết khó khăn, hạn chế, góp phần xây dựng nền

hành chính của tỉnh từng bước hiện đại, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, hướng tới chất lượng phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Để đạt kết quả cao trong thời gian tới, công tác cải cách hành chính cần nâng cao việc phối hợp, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan chuyên môn, nhất là đối với địa phương chưa thực hiện tốt. Khắc phục ngay tình trạng trễ hẹn tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đặc biệt là ở lĩnh vực đất đai; tình trạng cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân; thực hiện tốt văn hóa công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức...

Cần tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung khâu cải cách thủ tục hành chính, nhất là lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp. Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho Nhân dân phát huy dân chủ trong giám sát hoạt động quản lý, điều hành, phục vụ Nhân dân của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp. Đồng thời, duy trì và nâng chất lượng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công...

*** Tỉnh An Giang tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính**

Với việc triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiều chương trình, kế hoạch, tỉnh An Giang đã và đang đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hướng đến môi trường thân thiện, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Theo Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh An Giang, thời gian qua, công tác cải cách hành chính được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự chủ động triển khai của các cơ quan, đơn vị và sự tích cực của thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, cụ thể hóa các kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch triển khai năm 2023, bám sát các nhiệm vụ, mục tiêu theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ. Các địa phương đã cụ thể hóa chương trình, kế hoạch của tỉnh phù hợp với đặc điểm, tình hình địa phương, đảm bảo công tác cải cách hành chính của năm 2023 hoàn thành theo kế hoạch.

6 tháng đầu năm 2023, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang đã tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3 (một phần) và mức độ 4 (toàn trình); thực hiện tốt công tác số hóa hồ sơ theo quy định; thực hiện "4 tại chỗ". Kết quả từ đầu năm đến nay, tổng số hồ sơ đã xử lý đúng hạn đạt 99,9%, số hồ sơ trễ hạn chỉ chiếm 0,1%.

Tổ chức bộ máy tiếp tục được kiện toàn, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết 04/NQ-CP của Chính phủ. Thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình quy định và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được chuẩn hóa, được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công

việc. Bên cạnh, các ngành, các cấp đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số theo đề án, chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Qua đó, đã kết nối, tích hợp đồng bộ 100% danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia; cung cấp 2.059 dịch vụ hành chính công cho tất cả thủ tục hành chính của tỉnh An Giang. Trong đó, tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (một phần) là 604 dịch vụ, tỷ lệ 29,3%; tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (toàn trình) là 982 dịch vụ, tỷ lệ 47,7%; tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn đạt 96,6%. Đồng thời, đã tích hợp 1.487 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến đạt 75,6%.

Điểm nhấn là việc triển khai, vận hành Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) của tỉnh được Trung ương công nhận sáng kiến, giải pháp mới năm 2022, hiện đang vận hành thử nghiệm với 10 lĩnh vực. Đồng thời, có 8/11 huyện, thị xã, thành phố đã ra mắt Trung tâm IOC cấp huyện. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin được tỉnh đầu tư khá đồng bộ, bước đầu hình thành các cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành, phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ chính quyền điện tử.

Để hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh An Giang sẽ tiếp tục đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân nâng cao kỹ năng số và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, sẵn sàng phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự hài lòng cho tổ chức, cá nhân, hướng đến cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, văn minh.

Tỉnh tiếp tục triển khai Nghị quyết 01-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình 553/CTr-UBND về chuyển đổi số tỉnh An Giang từ nay đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tỉnh tiếp tục triển khai, vận hành hiệu quả Trung tâm IOC; triển khai Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi IPV6 cho cơ quan nhà nước giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai, hoàn thành đề án số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực, giai đoạn 2020 - 2025 và các nhiệm vụ liên quan đến Đề án 06/CP của Chính phủ về phát triển phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Tiếp tục quán triệt, triển khai kế hoạch thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy hành chính các cấp, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Tăng cường công tác tuyên truyền, đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ theo kế hoạch năm 2023.

Nguồn: baoangiang.com.vn

LONG AN: LẤY NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP LÀM TRUNG TÂM PHỤC VỤ

Tỉnh Long An tạo đột phá trong nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Quan tâm “chăm sóc” nhà đầu tư, doanh nghiệp

Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề ra 3 đột phá phát triển kinh tế - xã hội. Một trong số đó là hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá trong nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Đây cũng là quan điểm được lãnh đạo tỉnh Long An quán triệt trong nhiều năm qua. Theo đó, tỉnh Long An luôn xác định việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục trong chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tỉnh Long An đã và đang tập trung thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp để hoàn thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, như đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, tạo quỹ đất công nghiệp, thực hiện các quyết sách mạnh mẽ, đột phá trong cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” nhằm giảm thiểu thời gian, đơn giản hóa thủ tục, tạo thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Thời gian qua, có nhiều dự án quy mô lớn đầu tư vào các khu công nghiệp được tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chỉ trong 1 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An Nguyễn Văn Út: Quan tâm “chăm sóc” nhà đầu tư cũng là quan điểm của lãnh đạo tỉnh Long An, được thực hiện nghiêm túc, nhất quán trong thời gian qua. Đây chính là yếu tố quan trọng tạo nên sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh nhà.

Đến với tỉnh Long An, nhà đầu tư được hoan nghênh, chào đón, được chính quyền địa phương cùng các sở, ban, ngành tích cực cung cấp thông tin về chính sách, cơ hội đầu tư và hỗ trợ khảo sát thực tế để lựa chọn địa điểm. Đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã triển khai dự án và hoạt động trên địa bàn, tỉnh tiếp tục đồng hành, thường xuyên gặp gỡ, đối thoại để giải quyết nhanh chóng, kịp thời những khó khăn, vướng mắc, tạo mọi điều kiện thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

Sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Long An đã được chứng minh trong thực tế qua sự đánh giá cao của cộng đồng doanh nghiệp. Phát biểu tại Hội nghị Công bố quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh Long An tổ chức cuối tháng 7/2023, ông Võ Quốc Thắng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Đồng Tâm Group, Chủ tịch Hội đồng Các hiệp hội doanh nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Long An nhận định, bên cạnh tiềm năng, lợi thế vốn có, tỉnh Long An đã có hướng đi đúng đắn, nỗ lực mang lại những đột phá trong thu hút đầu tư trên tất cả các lĩnh vực mà địa phương có thế mạnh.

“Chúng tôi cũng đánh giá cao tinh thần quyết liệt trong cải cách thủ tục hành chính của lãnh đạo tỉnh Long An, luôn lắng nghe và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động đầu tư”, ông Võ Quốc Thắng bày tỏ.

Mới đây, trong Hội nghị Xúc tiến đầu tư Nhật Bản năm 2023 tổ chức tại tỉnh Long An, ông Katsuhiko Usui, Tổng giám đốc Công ty TNHH Sapporo Việt Nam cũng khẳng định: “Chúng tôi đã đúng khi chọn Long An để xây dựng nhà máy bia 14 năm trước”.

Ngoài lý do ở tỉnh Long An có nguồn nước tốt để nấu bia, ông Katsuhiko Usui cho biết thêm, Sapporo chọn Long An đặt nhà máy vì tỉnh này nằm sát TP. Hồ Chí Minh - thị trường tiêu thụ bia lớn nhất tại Việt Nam, đồng thời, gần các cảng lớn, kết nối đường bộ với TP. Hồ Chí Minh thuận lợi. Đặc biệt, khi đến tỉnh Long An đầu tư, Sapporo được chính quyền tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi khi xây dựng nhà máy.

Với nỗ lực phục hồi kinh tế, cải cách hành chính, thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư, năm 2022, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Long An có bước tiến đáng kể khi tăng 6 bậc so với năm 2021, vươn lên vị trí thứ 10/63 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Theo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 cho thấy chất lượng điều hành của tỉnh tiếp tục có sự cải thiện. Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính có chuyển biến tốt; tình trạng trả chi phí không chính thức duy trì xu hướng giảm; việc tăng cường tính minh bạch, tính năng động và cạnh tranh bình đẳng có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, việc cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh vẫn còn những điểm chưa được như kỳ vọng của lãnh đạo tỉnh, các cấp, các ngành trong tỉnh cần quyết liệt và cố gắng nhiều hơn nữa để có kết quả đồng bộ, bền vững hơn.

Để môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh ngày càng thông thoáng hơn, các chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được cải thiện và tăng dần qua từng năm, hướng tới mục tiêu duy trì vị trí của Long An trong tốp đầu trên bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh cả nước một cách bền vững hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã ban hành Kế hoạch Tiếp tục cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023.

Mục tiêu tỉnh Long An đặt ra là phấn đấu điểm số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 đạt 70,5 điểm (tăng 2,06 điểm so với năm 2022); các chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm sau không giảm điểm, giảm hạng so với năm trước. Phấn đấu điểm số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 của tỉnh xếp trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế “rất tốt” trên cả nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Long An yêu cầu thủ trưởng các sở, ngành trong tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đổi mới tư duy, tích cực nghiên cứu, nắm vững nội dung các chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chủ động đề ra giải pháp thiết thực và phù hợp với tình hình thực tế nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại đơn vị, địa phương mình, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của cả tỉnh.

Tiếp tục tăng cường quán triệt nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và Chỉ số năng lực

ạnh tranh cấp tỉnh đối với phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và sự năng động, sáng tạo của cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp. Chú trọng xây dựng các mô hình mới, hiệu quả để tạo sự lan tỏa, thúc đẩy đổi mới sáng tạo...

Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã ban hành Kế hoạch Triển khai đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) của tỉnh Long An nhằm đánh giá môi trường kinh doanh của tỉnh sâu sắc hơn, giúp cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh một cách bền vững.

Ngày 10/2/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 881/QĐ-UBND phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Đề án Triển khai đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương tỉnh Long An. Hiện nay, Đề án đã được hoàn thành xây dựng, đang trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

Lần đầu tiên thực hiện tại tỉnh Long An, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương tỉnh Long An được xây dựng nhằm đo lường chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền cấp sở, ban, ngành và địa phương - những cấp chính quyền có tiếp xúc trực tiếp với các tổ chức kinh tế như hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã và các nhà đầu tư.

Thông qua kết quả đánh giá, các đơn vị, địa phương sẽ có những điều chỉnh thích hợp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. Mục tiêu cuối cùng chính là tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thông thoáng, minh bạch hơn, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại tỉnh.

Tiếp thu kinh nghiệm của các tỉnh, thành phố thực hiện trước, nghiên cứu và áp dụng vào thực tiễn địa phương, việc triển khai đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương bắt đầu từ năm 2023 của tỉnh Long An được xem như một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của tỉnh nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện, bền vững.

Theo Đề án, đối tượng được đánh giá (dự kiến) là tất cả sở, ngành và địa phương có phát sinh giao dịch thủ tục hành chính trực tiếp với doanh nghiệp, người dân. Thời kỳ thu thập dữ liệu trong khoảng 1 năm gần nhất.

Đối tượng tham gia đánh giá sở, ban, ngành là doanh nghiệp, hợp tác xã, các nhà đầu tư (và đối với một số trường hợp là các hộ kinh doanh) trên địa bàn tỉnh, đã từng thực hiện thủ tục hành chính hoặc dịch vụ công tại các sở, ban, ngành.

Đối tượng tham gia đánh giá địa phương là các cơ sở sản xuất - kinh doanh, các nhà đầu tư đến khảo sát và làm việc tại tỉnh (một số trường hợp là các doanh nghiệp, tổ nhóm hợp tác, hợp tác xã có tương tác với chính quyền địa phương).

Nguồn: baodautu.vn

CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG PHẢI TOÀN DIỆN, ĐẢM BẢO TIỀN LƯƠNG THỰC SỰ LÀ ĐÒN BẨY ĐỂ TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC

Trao đổi với Tạp chí Tổ chức nhà nước về các giải pháp cải cách chính sách tiền lương trong thời gian tới, TS. Bùi Sỹ Lợi, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội, đại biểu Quốc hội các khóa XI, XII, XIII, XIV cho rằng, việc cải cách tiền lương để tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ hết sức cần thiết và cấp bách.

Ngày 11/11/2022, Quốc hội khóa XV đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, theo đó, việc tăng lương cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện từ ngày 01/7/2023 lên mức 1,8 triệu đồng/tháng. Ngày 15/11/2022, Quốc hội biểu quyết thông qua Nghị quyết về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV. Trong đó, đối với lĩnh vực Nội vụ, Nghị quyết yêu cầu trong năm 2023, trình cấp có thẩm quyền lộ trình thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương.

Trao đổi về các giải pháp cải cách chính sách tiền lương trong thời gian tới, TS. Bùi Sỹ Lợi, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội, đại biểu Quốc hội các khóa XI, XII, XIII, XIV cho rằng, việc cải cách tiền lương để tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ hết sức cần thiết và cấp bách.

Chi tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức chính là chi cho đầu tư phát triển

Trên cơ sở phân tích thực trạng tiền lương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam hiện nay và những tư tưởng, quan điểm của Đảng, Nhà nước về cải cách chính sách tiền lương, TS. Bùi Sỹ Lợi đã đưa ra một số giải pháp nhằm thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương và tiếp tục được thể hiện trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đó là: “Cải cách chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi của giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả”.

Theo TS. Bùi Sỹ Lợi, trước tiên cần đổi mới tư duy trong cải cách chính sách tiền lương, chi tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức chính là chi cho đầu tư phát triển; đảm bảo cho tiền lương thực sự là động lực quan trọng thúc đẩy cán bộ, công chức, viên chức nâng cao năng lực thực thi công vụ có hiệu quả hơn, giảm thiểu tham nhũng. Bản chất tiền lương là cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, tiền lương phải tiệm cận với giá trị sức lao động trên thị trường, cần phải hướng tới sự công bằng, thực chất. Cần xây dựng tiền lương tối

thiếu của công chức hành chính tương xứng với sức lao động và tương đương mức lương thị trường; với tính chất phức tạp và vai trò quan trọng của cán bộ, công chức, viên chức, cần được xếp ở mức độ quan trọng hơn lao động trong khu vực sản xuất kinh doanh, khu vực sự nghiệp và chỉ đứng sau lực lượng vũ trang. Tuy nhiên, tiền lương tối thiểu của công chức hành chính chỉ có thể được điều chỉnh dựa trên sự tương quan với lương tối thiểu của các khu vực; hệ số nuôi con của công chức hành chính; hệ số tương quan với thị trường lao động; hệ số vùng; hệ số tương quan với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Giải pháp thứ hai được nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội Bùi Sỹ Lợi đưa ra đó là, đổi mới quản lý nhà nước về tiền lương thì bộ máy hành chính nhà nước cần được sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ, đa chức năng, không bị chồng chéo, nhằm giảm bớt nhân lực dư thừa trong bộ máy hành chính, góp phần tạo thêm nguồn tài chính để trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức tương xứng với giá trị sức lao động. Xây dựng hệ thống công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, tiến kịp trình độ của các nước trong khu vực và trên thế giới, bảo đảm yêu cầu hội nhập quốc tế, làm cơ sở cho việc cải cách cơ bản tiền lương. Cần đẩy mạnh công tác xã hội hóa các dịch vụ công, nhằm giảm bớt quỹ tiền lương đối với viên chức từ ngân sách nhà nước, đổi mới quản lý nhà nước về tiền lương phải gắn với đẩy mạnh việc thực hiện pháp luật cán bộ, công chức, viên chức; khoán biên chế và khoán chi hành chính hàng năm; sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với thực tế yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Việc tinh giản biên chế hành chính nhà nước phải được coi như một khâu đột phá quan trọng, tinh giản về số lượng phải gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh đó, tuyển dụng những người có đức, có tài phải song song với việc đào thải những người không đủ trình độ chuyên môn, năng lực phẩm chất và thiếu đạo đức ra khỏi nền công vụ. Việc tuyển dụng và đào thải phải được tiến hành công khai, minh bạch và dựa trên các tiêu chuẩn cũng như kết quả đánh giá khách quan. Cần lựa chọn bộ phận công chức hành chính để cải cách tiền lương, thúc đẩy nâng cao động lực làm việc của đội ngũ công chức hành chính, nâng cao hiệu quả của bộ máy công quyền là cần thiết. Trước hết, nên tách những khâu, những bộ phận không thuộc bộ máy công quyền và những bộ phận mang tính chất dịch vụ công để bộ máy gọn nhẹ; tiếp theo là tiến hành phân tích các công việc cần trả lương, phân biệt giá trị các công việc mà công chức đảm nhận...

Giải pháp thứ ba đó là, tạo nguồn ngân sách để tăng lương. Đây là một trong những bước đi đột phá để đưa chính sách tiền lương đi vào thực tiễn đời sống, tiền lương phải gắn với hiệu quả công tác, năng suất lao động và đảm bảo nguyên tắc tốc độ tăng năng suất lao động phải nhanh hơn tốc độ tăng tiền lương bình quân. Hiện nay, ngân sách nhà nước ta còn hạn hẹp, trong khi phải chi nhiều, đặc biệt là chi xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát triển sản xuất, tiền đề cho việc tăng lương; vì vậy, phải cơ cấu lại chi ngân sách, đặc biệt là đầu tư vào các lĩnh vực, các tập đoàn nhà nước không có hiệu quả, dùng lượng tiền đó để tăng lương. Việc đầu tư cho con người và cho đội ngũ công chức hành chính nói riêng, sẽ có lợi về lâu dài cả về kinh tế, chính trị và xã hội nhân văn.

Giải pháp thứ tư là tiến hành rà soát lại đội ngũ công chức hành chính nhằm nâng cao chất lượng và giảm những công chức không có năng lực hoặc biếng nhác; nghiên cứu xây dựng các phương án đào tạo, bồi dưỡng công chức hành chính để nâng cao trình độ đáp ứng được công việc, các phương án sử dụng số lao động dôi dư; dựa vào kết quả hệ thống công vụ được thiết kế, hệ thống chức danh công chức được điều chỉnh, đối chiếu lại các mức lương trong bảng lương công chức đã được sắp xếp lại để đảm bảo có sự tương xứng cần thiết.

Giải pháp thứ năm được TS. Bùi Sỹ Lợi đưa ra đó là, việc tuyển chọn, bố trí nhân lực (chất lượng đầu vào và bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý) cần tuân thủ các tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn công khai, có sự cạnh tranh lành mạnh giữa các ứng viên; tiền lương và các chính sách kèm theo phải thực sự công khai, minh bạch; trả lương theo đúng vị trí việc làm và mức độ công hiến.

Đầu tư cho phát triển cần đảm bảo “tính đúng”, “tính đủ”

Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội Bùi Sỹ Lợi cho rằng, quá trình thực hiện cải cách chính sách tiền lương cần tiến hành đồng bộ với cải cách các chính sách khác có tác động liên quan trực tiếp đến tiền lương như: cải cách hành chính, cải cách tài chính công; cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công và chính sách trợ giúp xã hội; đồng thời phải xuất phát từ tình hình thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung cải cách chính sách tiền lương phải toàn diện, bao gồm cả thang lương, bảng lương, hệ số lương và các khoản phụ cấp, đảm bảo tiền lương thực sự là đòn bẩy để tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác và coi đầu tư cho tiền lương là đầu tư cho phát triển. Khoản “đầu tư cho phát triển” tính vào lương cần đảm bảo “tính đúng”, “tính đủ”. Cụ thể, tính đủ là lương phải bao gồm: bộ phận đủ cho công chức tái sản xuất sức lao động; bộ phận để tái sản xuất mở rộng và một bộ phận nuôi gia đình. Tính đúng, là tiền lương phải được gắn với công việc, năng suất, chất lượng, hiệu quả làm việc của công chức hành chính; đảm bảo tiền lương là đòn bẩy để tăng năng suất lao động và tiền lương phải bảo đảm đúng giá trị của sức lao động được thể hiện bằng giá cả trên thị trường lao động.

Cải cách chính sách tiền lương rất quan trọng, đòi hỏi quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị trong sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đúng vị trí việc làm, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ. Đồng thời, phải kiên quyết chuyển đổi mô hình các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng bản chất của đơn vị dịch vụ công. Nhà nước thực hiện khoán chi phí dịch vụ theo kết quả đầu ra, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị, không phân biệt đơn vị nhà nước hay tư nhân, phải lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả làm thước đo.

Ngày 28/10 vừa qua, Bộ Nội vụ đã có Báo cáo gửi các vị đại biểu Quốc hội, trong đó nêu rõ tình trạng công chức, viên chức nghỉ việc, thôi việc; nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Theo đó, một trong những giải pháp được Bộ Nội vụ đưa ra đó là, đề nghị cấp có thẩm quyền và Quốc hội cho thực hiện cải cách chính sách tiền

lượng để nâng cao thu nhập cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Bên cạnh đó, tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy, biên chế tinh gọn gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ gắn với cải cách chính sách tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi cho cán bộ, công chức, viên chức.

Nguồn: tcnn.vn

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỂ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI HIỆU QUẢ

Đối với người dân và doanh nghiệp, khi có cơ sở dữ liệu đất đai sẽ mang lại nhiều tiện ích như tạo môi trường công khai, minh bạch, giảm phiền hà, rút ngắn thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

Trao đổi với Phóng viên Báo VietNamNet, Phó Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường) Võ Anh Tuấn cho biết, việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

Đây cũng là nhiệm vụ phục vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai và kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

"Đối với cơ quan Nhà nước, cơ sở dữ liệu đất đai được xây dựng và đưa vào vận hành sẽ tạo sự thay đổi về phương thức làm việc. Quy trình cung cấp dịch vụ được minh bạch và trách nhiệm hơn, qua đó cải thiện sự tham gia và phản hồi tích cực từ các bên liên quan", ông Tuấn cho hay.

Theo ông Tuấn, hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất sẽ cung cấp một nền tảng, dữ liệu được chia sẻ rộng rãi với các bộ, ban, ngành khác, thúc đẩy tính minh bạch và sự tiếp cận của cộng đồng để cập nhật và khai thác thông tin đất đai đáng tin cậy.

"Việc khai thác, chia sẻ các thông tin đất đai giữa các cơ quan và các bên liên quan như cơ quan thuế, dân cư,... bước đầu thực hiện rất hiệu quả, đặc biệt là những thông tin địa chính, để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thông tin liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất, giá đất và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo tính bền vững và quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai", ông Tuấn thông tin.

Đối với người dân và doanh nghiệp, khi có cơ sở dữ liệu đất đai sẽ mang lại nhiều tiện ích như tạo môi trường công khai, minh bạch, giảm phiền hà, rút ngắn thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

"Việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến có thể thực hiện 24/7 và có thể thực hiện tại bất cứ đâu có kết nối Internet, giúp giảm thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả, giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp đồng thời có thể theo dõi, giám sát được tình trạng giải quyết hồ sơ, tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính về đất đai", ông Tuấn nói.

Tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

Theo ông Tuấn, hiện nay các địa phương đã nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai là công cụ cơ bản để phục vụ tốt cho công tác quản lý đất đai.

Hiện hình như một số địa phương đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên toàn tỉnh để quản lý đất đai theo hướng hiện đại. Và xây dựng được một khối lượng rất lớn dữ liệu đầu vào để

xây dựng cơ sở dữ liệu đó là hệ thống bản đồ (dữ liệu đồ họa) và hệ thống hồ sơ đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất (dữ liệu thuộc tính).

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại các khó khăn, vướng mắc như dữ liệu đất đai là dữ liệu lớn, thuộc phạm vi cả nước.

"Dữ liệu đất đai rất phức tạp, bao gồm cả dữ liệu đồ họa và dữ liệu thuộc tính có nhiều trường thông tin; biến động liên tục", ông Tuấn cho biết.

Việc đầu tư nguồn lực để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của các địa phương chưa tương xứng so với yêu cầu, nhiệm vụ được giao dẫn đến tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở một số địa phương còn chậm, cơ sở dữ liệu đất đai do các tỉnh, thành phố xây dựng cơ bản chưa được phủ kín phạm vi toàn tỉnh; trình độ chuyên môn, kỹ năng để thực hiện việc xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở trung ương và địa phương hiện nay còn hạn chế.

"Nhiều địa phương do ngân sách khó khăn, không đảm bảo từ nguồn 10% tiền thu sử dụng đất cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương; việc đầu tư kinh phí của ngân sách hàng năm của tỉnh, thành phố cho xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai rất thấp, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ", ông Tuấn thông tin.

Nguồn: vietnamnet.vn

DẤU ẤN CHUYÊN ĐỔI SỐ TẠI TP. ĐÀ NẴNG

TP. Đà Nẵng xác định chuyên đổi số nhằm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, quản lý xã hội và sản xuất - kinh doanh, kết hợp với ứng dụng công nghệ số để tạo ra các dịch vụ mới, mang lại giá trị mới.

Trái ngọt cho sự khởi đầu

Trung tuần tháng 8/2023, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng chính thức khai trương Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh TP. Đà Nẵng (Trung tâm IOC). Trung tâm IOC là đầu mối thu thập thông tin, dữ liệu từ các OC quận, huyện; OC chuyên ngành và các ứng dụng, hệ thống của các cơ quan, đơn vị, cộng đồng... nhằm phân tích, đưa ra số liệu tổng hợp về tình hình hoạt động của thành phố để lãnh đạo có thông tin chỉ đạo, điều hành.

Trung tâm này còn đảm nhận vai trò chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan phục vụ quản lý nhà nước; công khai, minh bạch cho người dân, doanh nghiệp, phục vụ việc triển khai chính quyền đô thị. Đồng thời, phát hiện, cảnh báo sớm các vấn đề, sự kiện bất thường liên quan đến hoạt động của đô thị, hỗ trợ làm Trung tâm chỉ huy tập trung của Thành phố trong xử lý các tình huống khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh...

Sự ra đời Trung tâm IOC có thể nó là “trái ngọt” đối với công tác chuyên đổi số của TP. Đà Nẵng trong suốt thời gian qua. Theo như lời ông Lê Trung Chinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng, Trung tâm IOC là mô hình mới, áp dụng công nghệ mới, sử dụng dữ liệu số, đặc biệt là yêu cầu cao về quy trình, nghiệp vụ liên ngành.

Một trong những thành công bước đầu của TP. Đà Nẵng trong chuyển đổi số là triển khai nhiều ứng dụng, tiện ích và nhiều kênh để người dân, doanh nghiệp tiếp cận sử dụng. Qua đó, tạo được sự tương tác giữa chính quyền và người dân, góp phần không nhỏ vào quá trình phục hồi, phát triển kinh tế Thành phố, cải cách hành chính.

Theo báo cáo, năm 2022, kinh tế số đóng góp 17,5% trong cơ cấu GRDP của TP. Đà Nẵng, với tỷ lệ ngành công nghiệp công nghệ thông tin có tốc độ tăng trưởng cao (bình quân trên 20%/năm), dần khẳng định là một trong những ngành kinh tế quan trọng của thành phố.

“Trung tâm kế thừa kết quả triển khai, đặc biệt là hạ tầng và dữ liệu số. Sự kiện khai trương, đưa vào hoạt động Trung tâm IOC thể hiện cam kết, quyết tâm cao nhất của lãnh đạo TP. Đà Nẵng trong triển khai chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh”, ông Chinh khẳng định.

Liên quan đến chuyển đổi số, ông Chinh cho rằng, đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu, được chính quyền Thành phố xác định là động lực thúc đẩy phát triển mọi mặt về chính quyền, kinh tế, xã hội.

Theo ông Chinh, trong những năm qua, công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn TP. Đà Nẵng đã diễn ra đồng bộ, mạnh mẽ, cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, người dân chủ động, tích cực tham gia triển khai.

“Một trong những thành công bước đầu của TP. Đà Nẵng trong chuyển đổi số là triển khai nhiều ứng dụng, tiện ích và nhiều kênh để người dân, doanh nghiệp tiếp cận sử dụng. Qua đó, tạo được sự tương tác giữa chính quyền và người dân, góp phần không nhỏ vào quá trình phục hồi, phát triển kinh tế TP. Đà Nẵng, cải cách hành chính”, ông Chinh nói.

Theo báo cáo, năm 2022, kinh tế số đóng góp 17,5% trong cơ cấu GRDP của TP. Đà Nẵng, với tỷ lệ ngành công nghiệp công nghệ thông tin có tốc độ tăng trưởng cao (bình quân trên 20%/năm), dần khẳng định là một trong những ngành kinh tế quan trọng của thành phố.

Về chính quyền số, TP. Đà Nẵng đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến và bắt đầu sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công theo hướng dịch vụ số. Tính đến nay, TP. Đà Nẵng đạt tỷ lệ 96% dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ (vượt chỉ tiêu quốc gia năm 2023 là 90%; chỉ tiêu của thành phố năm 2023 là 95%). Tính đến tháng 6/2023, đã tích hợp được 1.627 dịch vụ công trực tuyến lên hệ thống dịch vụ công quốc gia.

TP. Đà Nẵng bắt đầu đưa dịch vụ ngoài một cửa và dịch vụ sự nghiệp công lên cung cấp trực tuyến mức 4 trên Cổng dịch vụ công thành phố; sử dụng dữ liệu số để đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay thế thành phần hồ sơ giấy khi thực hiện thủ tục hành chính. Đến tháng 6/2023, TP. Đà Nẵng đã cấp hơn 394.000 tài khoản định danh điện tử, chiếm 32% dân số thành phố (chỉ tiêu quốc gia giao là 30%; tỷ lệ trung bình toàn quốc hiện là 60%); 81/96 cơ sở khám chữa bệnh triển khai khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip.

Về kinh tế số, theo ước tính của Bộ Thông tin và Truyền thông, kinh tế số của TP. Đà Nẵng năm 2022, chiếm tỷ trọng khoảng 19,76% trong cơ cấu GRDP thành phố, gần đạt chỉ tiêu năm

2025 là 20%. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số đạt 2,3 doanh nghiệp/1.000 dân (gấp 3 lần tỷ lệ trung bình toàn quốc); 2 doanh nghiệp công nghệ số có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng.

Các doanh nghiệp công nghệ số thành phố đã phát triển nhiều sản phẩm chủ lực và đạt các giải thưởng quốc gia như Giải thưởng Sao Khuê, Giải thưởng Viet Solutions, Giải thưởng Make in Viet Nam...

Song song đó, hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông tại TP. Đà Nẵng đã có những bước phát triển vượt bậc, được mở rộng theo hướng dịch vụ đa dạng, phong phú với chất lượng ngày càng cao đáp ứng các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp, cũng như sẵn sàng cho việc triển khai xây dựng thành phố thông minh, phát triển chuyển đổi số.

TP. Đà Nẵng hoàn thành phủ sóng mạng 3G, 4G, Internet băng rộng cố định tại 100% khu dân cư; phát triển phủ sóng mạng 5G tại khu vực trung tâm thành phố và các khu công nghệ thông tin tập trung. Hạ tầng truyền dẫn cáp quang bảo đảm cung cấp 100% nhu cầu băng thông tốc độ cao cho doanh nghiệp công nghệ thông tin. Trên cơ sở truyền dẫn cáp quang mạng MAN, đến nay trên địa bàn TP. Đà Nẵng có 250 điểm wifi công cộng miễn phí, khoảng 100 điểm wifi của các doanh nghiệp triển khai miễn phí tại khu vực sân bay, nhà ga, bệnh viện...

Ngoài ra, xã hội số từng bước hình thành và phát triển đã tạo được thói quen, kỹ năng số trong người dân, góp phần đưa TP. Đà Nẵng 2 năm liên tiếp xếp hạng nhất Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI); 3 năm liên tiếp đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam ở hạng mục “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc”; 3 năm liên tiếp đạt Giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam...

Chuyển đổi số là động lực

Ngày 24/1/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW về xây dựng và phát triển TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó, công nghiệp công nghệ cao là một trong 3 trụ cột chính được quan tâm tập trung phát triển, với mục tiêu đến năm 2030 sẽ đóng góp 10% tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố, tầm nhìn đến năm 2045 “TP. Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực châu Á”.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ TP. Đà Nẵng đã xác định một trong 3 nhiệm vụ trọng tâm, đột phá là: “Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là phát triển mạnh công nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin, gắn với xây dựng đô thị khởi nghiệp sáng tạo, thành phố thông minh, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển các ngành lĩnh vực mới, nhất là kinh tế số, xã hội số và chính quyền số”.

Như vậy, công cuộc triển khai chuyển đổi số tại TP. Đà Nẵng không chỉ góp phần cho chuyển đổi số của quốc gia, mà còn là một trong những giải pháp chính để xây dựng, phát triển thành phố theo Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) và Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố.

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Quảng khẳng định, TP. Đà Nẵng nhận thức được chuyển đổi số không phải là tập hợp các ứng dụng công

nghệ thông tin, mà là thay đổi phương thức quản lý nhà nước, quản lý xã hội và sản xuất, kinh doanh, kết hợp với ứng dụng công nghệ số, từ đó, tạo ra các dịch vụ mới, đem lại giá trị mới.

Chuyển đổi số cũng là động lực trong phát triển, góp phần đạt mục tiêu đến năm 2030, TP. Đà Nẵng hoàn thành xây dựng đô thị thông minh, kết nối đồng bộ với các mạng lưới đô thị trong nước và khu vực ASEAN” và tầm nhìn “TP. Đà Nẵng là đô thị sinh thái, hiện đại, đáng sống”.

“TP. Đà Nẵng xác định quan điểm chuyển đổi số phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, trong đó, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, áp dụng toàn diện công nghệ số trong đời sống, sản xuất, kinh doanh, thực thi công vụ là cốt lõi. Đồng thời, lấy xây dựng chính quyền số làm động lực và dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số. Để triển khai chuyển đổi số tại TP. Đà Nẵng thành công, điều tiên quyết cần phải có chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đúng đắn, rõ ràng, dễ tiếp cận và có khả năng thực thi cao”, ông Quảng nhấn mạnh.

Bí thư Thành ủy Đà Nẵng khẳng định, chuyển đổi số là hành trình liên tục, lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển. “Để chuyển đổi số thành công, yêu cầu tư tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt, làm đến đâu chắc đến đó, làm việc nào dứt điểm việc đó, có trọng tâm, trọng điểm và quan trọng nhất là cần có sự tham gia, đồng hành, ủng hộ không chỉ từ hệ thống chính quyền thành phố, mà còn từ cộng đồng doanh nghiệp, xã hội và người dân” ông Quảng nói.

Nguồn: baodautu.vn

CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 31/8/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Thông tư số 13/2023/TT-BNV hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.**

Theo Thông tư hướng dẫn, thành phần hồ sơ thủ tục hành chính điện tử nộp lưu bao gồm:

Tài liệu số hóa từ giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Tài liệu điện tử do cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh và tài liệu điện tử hình thành trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Dữ liệu đặc tả của tài liệu điện tử quy định nêu trên và ý kiến của các cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh (nếu có).

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh được kết nối với Hệ thống quản lý tài liệu điện tử theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước để đáp ứng yêu cầu giải quyết, quản lý và lưu hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.

Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện phương án kết nối giữa 2 Hệ thống để thực hiện thu thập, nộp lưu hồ sơ thủ tục hành chính điện tử và chia sẻ dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính điện tử phục vụ giải quyết công việc của bộ, ngành, địa phương.

Trong trường hợp 2 Hệ thống chưa được kết nối, hồ sơ thủ tục hành chính điện tử phải được lưu giữ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và thực hiện các nghiệp vụ lưu trữ theo quy định.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc lập hồ sơ, thu thập, quản lý, bảo quản và sử dụng hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.

Người giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính điện tử có trách nhiệm lập và giao nộp hồ sơ thủ tục hành chính điện tử vào Lưu trữ cơ quan đúng quy định.

Người làm lưu trữ có trách nhiệm giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức hướng dẫn việc nộp lưu hồ sơ thủ tục hành chính điện tử; thu thập, xác định giá trị tài liệu, thống kê, bảo quản và tổ chức sử dụng hồ sơ thủ tục hành chính điện tử; giao nộp hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.

tử có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc Danh mục tài liệu nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử; tổ chức hủy hồ sơ thủ tục hành chính điện tử hết giá trị theo quy định của pháp luật và theo quyết định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/10/2023.

*** Ngày 30/8/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 59/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.**

Theo đó, Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế gồm: Phí thẩm định cấp tiếp nhận, nhập khẩu, xuất khẩu, xác nhận trong lĩnh vực chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong gia dụng và y tế; Phí thẩm định cấp giấy phép lưu hành, nhập khẩu, xuất khẩu, công bố trang thiết bị y tế; Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế.

Cụ thể, các mức thu như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị	Mức thu
Phí thẩm định cấp giấy phép lưu hành, nhập khẩu, xuất khẩu, công bố trang thiết bị y tế			
1	Thẩm định công bố tiêu chuẩn áp dụng trang thiết bị y tế		
	Loại A	Hồ sơ	1 triệu đồng
	Loại B	Hồ sơ	3 triệu đồng
2	Thẩm định cấp mới số lưu hành trang thiết bị y tế loại C, D.	Hồ sơ	6 triệu đồng
3	Thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu trang thiết bị y tế	Hồ sơ	2 triệu đồng
4	Thẩm định cấp giấy phép xuất khẩu trang thiết bị y tế	Hồ sơ	1 triệu đồng
Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế			
1	Thẩm định cấp, cấp lại giấy phép hoạt động do bị thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Khám bệnh, chữa bệnh; khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cấp giấy phép hoạt động khi thay đổi địa điểm với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cấp giấy phép hoạt động khi thay đổi quy mô khoa phòng, giường bệnh, cơ cấu tổ chức:	Lần	
a	Bệnh viện		10,5 triệu đồng
b	Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh; bệnh xá theo quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình)		5,7 triệu đồng

c	- Phòng chẩn trị y học cổ truyền. - Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền. - Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương.		3,1 triệu đồng
2	Thẩm định cấp phép cơ sở đủ điều kiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính	Lần	10,5 triệu đồng
3	Thẩm định cấp giấy phép hoạt động do bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật Khám bệnh, chữa bệnh; cấp lại giấy phép hoạt động khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Lần	1,5 triệu đồng

Thông tư nêu rõ, tổ chức thu phí là Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được để lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Nộp 20% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Đối với tổ chức thu phí là Bộ Y tế hoặc các đơn vị thuộc Bộ Y tế và Sở Y tế, Thông tư này nêu rõ: Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/10/2023.

*** Ngày 09/8/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục.**

Theo Thông tư, vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục được xác định trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

Căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

Việc xác định vị trí việc làm bảo đảm không tăng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cụ thể, Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục được quy định như sau:

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện
-----	---------------------	---------------------------	----------------	----------	-----------

1.	Vị trí về quản lý chương trình giáo dục				
1.1	Chuyên viên cao cấp về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên cao cấp	x		
1.2	Chuyên viên chính về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên chính	x	x	
1.3	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên	x	x	x
2.	Vị trí về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục				
2.1	Chuyên viên cao cấp về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên cao cấp	x		
2.2	Chuyên viên chính về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên chính	x	x	
2.3	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên	x	x	x
3.	Vị trí về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục				
3.1	Chuyên viên cao cấp về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên cao cấp	x		
3.2	Chuyên viên chính về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên chính	x	x	
3.3	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên	x	x	x
4.	Vị trí về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục				
4.1	Chuyên viên cao cấp về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên cao cấp	x		
4.2	Chuyên viên chính về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên chính	x	x	
4.3	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên	x	x	x
5.	Vị trí về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)				

5.1	Chuyên viên cao cấp về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên cao cấp	x		
5.2	Chuyên viên chính về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên chính	x	x	
5.3	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên	x	x	x
6.	Vị trí về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)				
6.1	Chuyên viên cao cấp về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên cao cấp	x		
6.2	Chuyên viên chính về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên chính	x	x	
6.3	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên	x	x	x
7.	Vị trí về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ				
7.1	Chuyên viên cao cấp về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên cao cấp	x		
7.2	Chuyên viên chính về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên chính	x	x	
7.3	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên	x	x	x

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/9/2023.

Đối với trường hợp công chức đang giữ ngạch công chức cao hơn (bao gồm công chức đã được công nhận kết quả đạt trong kỳ thi/xét nâng ngạch công chức trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành) so với ngạch công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm được quy định tại Thông tư này thì được bảo lưu cho đến khi có hướng dẫn mới về chế độ tiền lương theo quy định.

*** Ngày 09/8/2023, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.**

Theo Thông tư, danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm 16 vị trí việc làm.

Cụ thể như sau: 1. Nghiên cứu viên cao cấp. 2. Nghiên cứu viên chính. 3. Nghiên cứu viên. 4. Trợ lý nghiên cứu. 5. Kỹ sư cao cấp. 6. Kỹ sư chính. 7. Kỹ sư. 8. Kỹ thuật viên. 9. Đánh giá sự phù hợp hạng I. 10. Đánh giá sự phù hợp hạng II. 11. Đánh giá sự phù hợp hạng III. 12. Năng suất, chất lượng hạng I. 13. Năng suất, chất lượng hạng II. 14. Năng suất, chất lượng hạng III. 15. Sở hữu trí tuệ hạng II. 16. Sở hữu trí tuệ hạng III.

Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Viên chức đang giữ hạng chức danh nghề nghiệp viên chức cao hơn so với hạng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm được quy định tại Thông tư này thì được bảo lưu cho đến khi có hướng dẫn mới của cơ quan có thẩm quyền.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/9/2023.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI

CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ:

Danh sách thành viên Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ:

Ngày 31/8/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký ban hành Quyết định số 1010/QĐ-TTg phê duyệt Danh sách thành viên Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (Tổ công tác).

Cụ thể, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang làm Tổ trưởng Tổ công tác.

Các Tổ phó gồm: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn (Tổ phó thường trực); Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà; Bộ trưởng Bộ Tư pháp Lê Thành Long và Trung tướng Nguyễn Duy Ngọc, Thứ trưởng Bộ Công an.

Các thành viên gồm: Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Duy Đông; Thứ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Đức Chi; Thứ trưởng Bộ Công Thương Phan Thị Thắng; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Danh Huy; Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Quý Kiên; Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phạm Đức Tiến; Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy; Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Bá Hoan; Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ Ngô Hải Phan (Ủy viên thường trực).

Bổ sung thành viên của 2 Hội đồng điều phối vùng:

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định 1026/QĐ-TTg ngày 06/9/2023 bổ sung thành viên của Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ.

Cụ thể, bổ sung Thứ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ Công an là Ủy viên Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ (cử một đồng chí chuyên trách).

Bổ sung Thứ trưởng Bộ Công an là Ủy viên Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ (cử một đồng chí chuyên trách).

Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ ban hành bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Hội đồng điều phối vùng đối với đại diện Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trong Quy chế hoạt động của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng điều phối các vùng liên quan phê duyệt danh sách các Ủy viên của Hội đồng điều phối vùng đối với đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

* Bộ Y tế:

Bộ Y tế công bố quyết định giao PGS. TS. Nguyễn Tuấn Hưng, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Y tế) kiêm nhiệm phụ trách, quản lý, điều hành Bệnh viện Mắt Trung ương

thay PGS. TS. Nguyễn Xuân Hiệp, Giám đốc Bệnh viện Mắt Trung ương, nghỉ hưu từ 01/9/2023 cho đến khi kiện toàn chức vụ Giám đốc tại bệnh viện này.

*** Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính):**

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã ký Quyết định số 2123/QĐ-TCHQ về việc bổ nhiệm có thời hạn ông Trương Minh An, Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang giữ chức vụ Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang, kể từ ngày 01/9/2023.

*** Tỉnh Quảng Ngãi:**

Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Trọng, Phó Giám đốc phụ trách, điều hành Sở Kế hoạch và Đầu tư giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, kể từ ngày 05/9/2023.

Nguồn: baohinhphu.vn